

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP</b> ..	3
<i>1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp</i> .....	3
<i>1.2. Bản chất của chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</i> .....	4
<i>1.2.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất</i> .....	4
<i>1.2.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm</i> .....	5
<i>1.2.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm</i> .....	5
<i>1.2.2.2. Chức năng của giá thành sản phẩm</i> .....	5
<i>1.3. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</i> .....	6
<i>1.3.1. Phân loại chi phí sản phẩm</i> .....	6
<i>1.3.1.1. Phân loại kinh tế theo nội dung tính chất kinh tế của chi phí</i> .....	6
<i>1.3.1.2. Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí( mục đích, công dụng của chi phí)</i> .....	7
<i>1.3.1.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất</i> .....	7
<i>1.3.1.4. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với khối lượng hoạt động</i> .....	8
<i>1.3.2. Phân loại giá thành sản phẩm</i> .....	9
<i>1.3.2.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính giá thành</i> .....	9
<i>1.3.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi phát sinh chi phí</i> .....	10
<i>1.4. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành</i> .....	10
<i>1.4.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất</i> .....	10
<i>1.4.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm</i> .....	11
<i>1.4.3. Kỳ tính giá thành</i> .....	11
<i>1.5. Phương pháp trình tự hạch toán chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành sản phẩm</i> .....	12
<i>1.5.1. Phương pháp trình tự hạch toán chi phí sản xuất</i> .....	12
<i>1.5.1.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất</i> .....	12
<i>1.5.1.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất</i> .....	13
<i>1.5.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm</i> .....	13

1.5.2.1. Phương pháp giản đơn( phương pháp trực tiếp) .....	14
1.5.2.2. Phương pháp hệ số.....	15
1.5.2.3. Phương pháp tỷ lệ .....	16
1.5.2.4. Phương pháp tổng cộng chi phí .....	17
1.5.2.5. Phương pháp theo đơn đặt hàng.....	17
1.5.2.6. Phương pháp phân bước .....	18
1.5.2.7. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ .....	20
1.6. Đánh giá sản phẩm dở dang .....	21
1.6.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .....	21
1.6.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương .....	21
1.6.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính.....	23
1.6.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức.....	23
1.7.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	24
1.7.1.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	24
1.7.1.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp .....	26
1.7.1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung.....	30
1.7.1.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất .....	32
1.7.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	34
1.8. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán. ....	36
1.8.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung.....	36
1.8.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký – số cái .....	37
1.8.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ .....	38
1.8.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ .....	39
1.8.5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính .....	40
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HỒNG HÀ.....</b>	<b>41</b>

2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà.....	41
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	41
2.1.2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh.....	41
2.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	42
2.1.4. Tình hình kinh tế tài chính, lao động tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà.....	42
2.2. Đặc điểm hoạt động tổ chức kinh doanh của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà.....	45
2.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán.....	46
2.3.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	46
2.3.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.....	47
2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà.....	49
2.4.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất của Công ty.....	49
2.4.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty.....	49
2.4.3. Đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty.....	50
2.4.4. Phương pháp tính giá thành tại Công ty.....	50
2.4.4.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	51
* Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	51
2.4.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	58
2.4.4.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công.....	65
2.4.4.4. Kế toán chi phí sản xuất chung.....	71
<b>CHƯƠNG 3 HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HỒNG HÀ.....</b>	<b>84</b>
3.1. Những nhận xét, đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà.....	84
3.1.1. Ưu điểm.....	84
3.1.2. Nhược điểm.....	87
3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty đầu tư và xây dựng Hồng Hà.....	88
3.2.1. Kiến nghị về luân chuyển chứng từ.....	89
3.2.2. Kiến nghị về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	89

3.2.3. Kiến nghị về chi phí nhân công trực tiếp .....	91
3.2.4. Kiến nghị về chi phí sử dụng máy thi công .....	91
3.2.5. Kiến nghị về kế toán quản trị .....	92
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>95</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

<b>Sơ đồ 1.1:</b> Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua bước n.....	19
<b>Sơ đồ 1.2:</b> Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm.....	20
<b>Sơ đồ 1.3:</b> Sơ đồ tập hợp CPNVLTT.....	25
<b>Sơ đồ 1.4:</b> Sơ đồ tập hợp CPNCTT.....	27
<b>Sơ đồ 1.5:</b> Sơ đồ hạch toán CPSDMTC.....	30
<b>Sơ đồ 1.6:</b> Sơ đồ tập hợp CPSXC.....	32
<b>Sơ đồ 1.7:</b> Sơ đồ hạch toán giá thành.....	34
<b>Sơ đồ 1.8:</b> Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	35
<b>Sơ đồ 1.9:</b> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung.....	36
<b>Sơ đồ 1.10:</b> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái.....	37
<b>Sơ đồ 1.11:</b> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ.....	38
<b>Sơ đồ 1.12:</b> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán chứng từ - ghi sổ.....	39
<b>Sơ đồ 1.13:</b> Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	40
<b>Sơ đồ 2.1:</b> Bộ máy quản lý công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà.....	45
<b>Sơ đồ 2.2:</b> Bộ máy kế toán công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà.....	46
<b>Sơ đồ 2.3:</b> Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.....	48

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

<b><u>Biểu số 01</u></b> : Thiết bị thi công của công ty.....	42
<b><u>Biểu số 02</u></b> : Nguồn nhân lực của công ty.....	44
<b><u>Biểu số 03</u></b> : Lực lượng công nhân kỹ thuật.....	44
<b><u>Biểu số 04</u></b> : Phiếu xin lĩnh vật tư.....	53
<b><u>Biểu số 05</u></b> : Phiếu xuất kho.....	54
<b><u>Biểu số 06</u></b> : Trích sổ nhật ký chung.....	55
<b><u>Biểu số 07</u></b> : Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621.....	56
<b><u>Biểu số 08</u></b> : Sổ cái TK 621.....	57
<b><u>Biểu số 09</u></b> : Bảng chấm công.....	60
<b><u>Biểu số 10</u></b> : Bảng thanh toán lương tháng 12/2011.....	61
<b><u>Biểu số 11</u></b> : Bảng tổng hợp lương tháng 12/2011.....	62
<b><u>Biểu số 12</u></b> : Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622.....	63
<b><u>Biểu số 13</u></b> : Sổ cái TK 622.....	64
<b><u>Biểu số 14</u></b> : Bảng kê chi tiết máy thi công thuê ngoài .....	67
<b><u>Biểu số 15</u></b> : Bảng tổng hợp chi phí máy thi công tháng 12/2011.....	68
<b><u>Biểu số 16</u></b> : Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 623.....	69
<b><u>Biểu số 17</u></b> : Sổ cái TK 623.....	70
<b><u>Biểu số 18</u></b> : Bảng thanh toán lương bộ phận sản xuất chung tháng 12.....	73
<b><u>Biểu số 19</u></b> : Bảng kê chi phí dịch vụ mua ngoài.....	74
<b><u>Biểu số 20</u></b> : Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung.....	75
<b><u>Biểu số 21</u></b> : Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627.....	76
<b><u>Biểu số 22</u></b> : Sổ cái TK 627.....	77
<b><u>Biểu số 23</u></b> : Bảng tính giá thành công trình Cát Bi.....	81
<b><u>Biểu số 24</u></b> : Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154.....	82
<b><u>Biểu số 25</u></b> : Sổ cái TK154.....	83

**LỜI MỞ ĐẦU**

Cơ sở hạ tầng là nền tảng quan trọng cho nước phát triển, đất nước chỉ phát triển được khi đã chuẩn bị đầy đủ, kỹ càng về cơ sở hạ tầng. Các tuyến đường giao thông là huyết mạch của nền kinh tế đất nước, các khu nhà ở, khu vui chơi, khu công cộng, các công trình phúc lợi ... đó là điều kiện tiên đề không thể thiếu của đất nước đang trên đà phát triển. Chính vì vậy Nhà nước ta đặc biệt coi trọng đến ngành xây dựng cơ bản và có kế hoạch đầu tư đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm tạo ra “bộ xương sống” cho ngành kinh tế. Đặc biệt, trong những năm gần đây để chia sẻ gánh nặng với các doanh nghiệp quốc doanh, nhằm thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước Nhà nước ta đã mở rộng giao đất, dự án cho tổ chức, các doanh nghiệp có khả năng đảm nhiệm.

Tuy nhiên một thực trạng đang xảy ra phổ biến hiện nay là chất lượng công trình không đảm bảo dẫn tới sự xuống cấp của các công trình xây dựng (đường giao thông, các công trình thủy lợi, các khu nhà ở để bán... ). Để đảm bảo chất lượng cho các công trình thì công tác quản lý của các cấp, ban ngành là rất quan trọng, đòi hỏi các nhà thầu xây dựng cần có cách quản lý tốt để tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng tốt. Tuy nhiên để tiết kiệm chi phí thì đòi hỏi việc tổ chức công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất, cần phải được hoàn thiện, việc quản lý tốt chi phí xây dựng mang lại tiết kiệm chi phí , tăng tích lũy cho nền kinh tế. Việc quản lý tốt chi phí sẽ làm tăng tổng lợi nhuận của doanh nghiệp, làm tăng nguồn thu cho ngân sách thông qua thuế thu nhập.

Xuất phát từ nhận thức đó, khi được nhận thực tập tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà, em nhận thức thấy đây là cơ hội tốt cho mình có điều kiện nghiên cứu, so sánh giữa lý thuyết và thực tế ở đơn vị mình thực tập về công tác tổ chức hạch toán kế toán. Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà rất được coi trọng, hơn nữa đây cũng là vấn đề nổi bật ở các doanh nghiệp xây lắp hiện nay.

Vậy để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Trong quá trình học tập nghiên cứu và tìm hiểu qua thực tiễn, những vấn đề đặt ra khá rộng và hấp dẫn. Tuy nhiên do điều kiện và thời gian có hạn nên bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự giúp đỡ, chỉ bảo và ý kiến đóng góp của các thầy cô, đặc biệt là cô giáo **Bùi Thị Chung** và cán bộ nhân viên trong Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà để em hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp này.

**Chuyên đề gồm 3 chương chính ngoài lời mở đầu và kết luận:**

***Chương 1: Những vấn đề lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.***

***Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà.***

***Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà.***



## **CHƯƠNG 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP**

#### ***1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp***

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng của nền kinh tế, tạo cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Chi phí cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng ngân sách Nhà Nước cũng như ngân sách của doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì các nhà quản trị cần phải quan tâm đến việc hoạch định và kiểm soát chi phí, vì có xác định được chi phí chính xác thì mới đưa ra được giá thành hợp lý. Chi phí sản xuất còn là tiền đề cần thiết để kiểm tra giá thành sản phẩm và xác định phương hướng cụ thể cho việc phân đấu hạ thấp giá thành sản phẩm. Giá thành với ý nghĩa là thước đo mức chi phí tiêu hao phải bù đắp, là căn cứ để xác định hiệu quả kinh doanh, là một công cụ quan trọng để xem xét hiệu quả của các biện pháp tổ chức kỹ thuật, và còn là căn cứ để định giá đối với từng sản phẩm, cho nên chi phí có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp với chức năng là nguồn cung cấp thông tin, công tác kế toán sử dụng hệ thống tính giá thành dựa trên cơ sở các hệ thống đo lường chính xác các khoản chi phí của từng hoạt động, sản phẩm, dịch vụ để cung cấp cho các nhà quản lý.

Chi phí sản xuất là thước đo trình độ công nghệ trình độ tổ chức quản lý sản xuất của một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Dưới góc độ quản lý kinh tế vi mô, hạch toán đúng chi phí sản xuất, tính đúng giá thành sản phẩm sẽ giúp cho doanh nghiệp có cái nhìn đúng đắn về thực trạng, khả năng của mình. Qua đó tìm ra những giải pháp cải tiến, đổi mới công nghệ sản xuất, phương thức tổ chức quản lý nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường với mục tiêu cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận.

Tuy nhiên một thực trạng đang xảy ra phổ biến hiện nay là chất lượng công trình không đảm bảo dẫn tới sự xuống cấp của các công trình xây dựng

(đường giao thông, các công trình thủy lợi, các khu nhà ở để bán... ). Để đảm bảo chất lượng cho các công trình thì công tác quản lý của các cấp, ban ngành là rất quan trọng, đòi hỏi các nhà thầu xây dựng cần có cách quản lý tốt để tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng tốt. Tuy nhiên để tiết kiệm chi phí thì đòi hỏi việc tổ chức công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất, cần phải được hoàn thiện, việc quản lý tốt chi phí xây dựng mang lại tiết kiệm chi phí , tăng tích lũy cho nền kinh tế. Việc quản lý tốt chi phí sẽ làm tăng tổng lợi nhuận của doanh nghiệp, làm tăng nguồn thu cho ngân sách thông qua thuế thu nhập.

## **1.2. Bản chất của chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**

### **1.2.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ những hao phí về lao động sống, lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong một thời gian nhất định để phục vụ cho quá trình sản xuất.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải có đủ 3 yếu

tổ cơ bản:

- Đối tượng lao động.
- Tư liệu lao động.
- Lao động sống.

Tương ứng với các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh là các chi phí sản xuất kinh doanh nói chung của Doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí về các loại đối tượng lao động chủ yếu (nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ...)
- Chi phí về các loại tư liệu lao động chủ yếu (tài sản cố định)
- Chi phí về lao động (chi phí nhân công)
- Chi phí về các loại dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

Trong nền kinh tế thị trường, các chi phí trên đều được đo lường, tính toán bằng tiền, gắn với thời gian nhất định.

Độ lớn của chi phí sản xuất là một đại lượng xác định phụ thuộc vào hai nhân tố chính sau:

- Khối lượng lao động và tư liệu sản xuất đã tiêu hao vào sản xuất sản phẩm trong một thời gian nhất định.
- Giá cả các tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và tiền lương của một đơn vị sản xuất đã hao phí.

### ***1.2.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm***

#### ***1.2.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm***

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá, để hoàn thành một khối lượng sản phẩm hoặc lao vụ, dịch vụ.

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong suốt quá trình sản xuất cũng như các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đang thực hiện nhằm đạt được những mục đích sản xuất khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí bỏ ra là thấp nhất.

Giá thành còn là căn cứ để tính toán xác định hiệu quả kinh tế các hoạt động sản xuất cũng như hiệu quả quản trị chi phí của doanh nghiệp.

Bản chất của giá thành là sự chuyển dịch giá trị các yếu tố chi phí vào những sản phẩm, công việc, lao vụ nhất định đã hoàn thành.

#### ***1.2.2.2. Chức năng của giá thành sản phẩm***

Giá thành sản phẩm có hai chức năng chính : chức năng bù đắp chi phí và chức năng lập giá.

- Chức năng bù đắp chi phí: là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm nhất định phải bù đắp bằng chính số tiền thu được về tiêu thụ sản phẩm, bán sản phẩm và có lãi.

- Chức năng lập giá: thể hiện giá bán sản phẩm phụ thuộc vào quy luật cung cầu thị trường, giá bán là biểu hiện giá trị của sản phẩm phải được dựa trên cơ sở giá thành để xác định. Thông qua giá bán sản phẩm mà đánh giá mức độ bù đắp chi phí và hiệu quả của chi phí.

Như vậy, giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất cũng như đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Giá thành sản phẩm cao hay thấp, tăng hay giảm đồng nghĩa với lãng phí hay tiết kiệm lao động xã hội trong quá trình sản xuất. Nói cách khác, giá thành sản phẩm cao hay thấp đều phản ánh kết quả của việc quản lý sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn của doanh nghiệp.

### ***1.3. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm***

#### ***1.3.1. Phân loại chi phí sản phẩm***

Chi phí sản xuất chế tạo sản phẩm, thực hiện lao vụ dịch vụ của các doanh nghiệp bao gồm rất nhiều loại, nhiều khoản mục với nội dung kinh tế, mục đích công dụng và phát sinh ở nhiều địa điểm khác nhau. Do vậy cần căn cứ vào những tiêu thức nhất định đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí sản xuất mà phân loại chi phí sản xuất cho phù hợp.

##### ***1.3.1.1. Phân loại kinh tế theo nội dung tính chất kinh tế của chi phí***

Theo chế độ hiện hành thuộc phạm vi KTTC thì căn cứ vào nội dung, tính chất kinh tế của CPSX, toàn bộ CPSX của doanh nghiệp được chia thành các yếu tố sau:

- Chi phí nguyên vật liệu : Bao gồm nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, thiết bị xây dựng cơ bản, công cụ dụng cụ mà doanh nghiệp sử dụng.
- Chi phí nhân công : là toàn bộ tiền lương phải trả, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo lương của công nhân viên hoạt động sản xuất doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao TSCĐ : là toàn bộ số tiền trích khấu hao TSCĐ sử dụng cho sản xuất.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài : là toàn bộ số tiền doanh nghiệp trả các dịch vụ mua từ bên ngoài để phục vụ cho sản xuất:
- Chi phí bằng tiền khác: là toàn bộ chi phí khác dùng trong hoạt động sản xuất ngoài 4 yếu tố trên.

Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế có ý nghĩa quan trọng

đối với quản lý vi mô và quản lý vĩ mô. Với cách phân loại này các doanh nghiệp biết được cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí, là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán CPSX, xây dựng kế hoạch cung ứng, đảm bảo các yếu tố CPSX..., làm cơ sở cho việc tính toán thu nhập quốc dân.

### ***1.3.1.2. Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí( mục đích, công dụng của chi phí)***

Căn cứ vào mục đích, công dụng của chi phí đối với quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện lao vụ dịch vụ theo chế độ hiện hành thì toàn bộ CPSX của doanh nghiệp được chia thành các khoản mục chi phí, bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : là toàn bộ các chi phí về nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm.
- Chi phí nhân công trực tiếp : là toàn bộ tiền lương, tiền công, tiền trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.
- Chi phí sản xuất chung : là những chi phí dùng cho hoạt động sản xuất chung ở các phân xưởng, đội sản xuất ngoài hai khoản mục trên để hạch toán.

Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế của chi phí có tác dụng phục vụ cho việc quản lý CPSX theo định mức, dự toán chi phí, cung cấp số liệu cho việc tính giá thành sản xuất sản phẩm và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, là tài liệu tham khảo để lập định mức CPSX và lập kế hoạch giá thành sản phẩm cho kỳ sau nhằm hạ giá thành cho sản phẩm nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

### ***1.3.1.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất***

Căn cứ vào mối quan hệ giữa CPSX và đối tượng kế toán tập hợp CPSX người ta chia CPSX thành:

- Chi phí sản xuất trực tiếp: là những chi phí có quan hệ trực tiếp đến việc sản xuất ra một sản phẩm. Kế toán có thể căn cứ vào số liệu của chứng từ

kế toán để ghi trực tiếp cho đối tượng chịu chi phí.

- Chi phí sản xuất gián tiếp : là những chi phí có liên quan đến nhiều loại sản phẩm. Kế toán phải tập hợp chung sau đó tiến hành phân bổ cho các đối tượng có liên quan theo một tiêu chuẩn thích hợp.

Phân loại chi phí sản xuất theo cách này có tác dụng đối với việc xác định phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng chịu chi phí một cách đúng đắn, hợp lý để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm được nhanh chóng, đảm bảo độ chính xác cao, điều kiện cần thiết cho quản trị doanh nghiệp.

#### ***1.3.1.4. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với khối lượng hoạt động***

Căn cứ vào mối quan hệ giữa CPSX với khối lượng hoạt động, CPSX chia thành:

- Biến phí( chi phí thay đổi): là những chi phí có sự thay đổi tỷ lệ thuận về tổng số khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động ( số lượng sản phẩm hoàn thành, số giờ máy chạy, số km hoạt động hay doanh thu bán hàng...)

- Định phí (chi phí cố định) : là những chi phí không thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về khối lượng sản phẩm sản xuất trong mức độ nhất định tức là chỉ có thể thay đổi chi phí tính cho một đơn vị khối lượng hoạt động.

- Chi phí hỗn hợp : là những chi phí mà nội dung của chúng chứa đựng cả yếu tố định phí và yếu tố biến phí.

Phân loại CPSX theo tiêu thức này giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp dễ dàng thiết kế, xây dựng các mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng hoạt động và lợi nhuận, xác định điểm hoà vốn, giảm thấp các chi phí không cần thiết vì mục đích tối đa hoá lợi nhuận theo đúng hướng phát triển của doanh nghiệp đặc biệt là với việc ra các quyết định ngắn hạn...

**1.3.2. Phân loại giá thành sản phẩm**

Để đáp ứng các yêu cầu của quản lý, hạch toán và kế hoạch hóa giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hóa, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ nhiều phạm vi tính toán khác nhau. Cũng như chi phí sản xuất, tùy theo mục đích quản lý và yêu cầu hạch toán mà giá thành sản phẩm được phân thành các loại như sau:

**1.3.2.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính giá thành**

Theo tiêu thức này, giá thành sản phẩm được phân loại thành:

- Giá thành kế hoạch: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Việc tính giá thành kế hoạch do bộ phận kế hoạch của doanh nghiệp thực hiện và được tính trước khi bắt đầu quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Giá thành định mức được xem như thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp, giúp cho việc đánh giá đúng đắn các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Cũng giống như giá thành kế hoạch việc tính giá thành định mức cũng được tiến hành trước khi sản xuất chế tạo sản phẩm.

- Giá thành thực tế: Là giá thành được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh và tập hợp được trong kỳ và sản lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất ra trong kỳ. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán được sau khi kết thúc quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm được tính toán cho cả chi tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức và sử dụng các giải pháp kinh tế, kỹ thuật ... để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và

nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước cũng như các đối tác liên doanh, liên kết.

### ***1.3.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi phát sinh chi phí***

Theo phạm vi phát sinh chi phí, giá thành sản phẩm được phân loại thành:

- Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): Giá thành sản xuất của sản phẩm bao gồm các chi phí sản xuất, chế tạo sản phẩm (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung ...) tính cho những sản phẩm, công việc hoặc lao vụ đã hoàn thành. Giá thành sản xuất của sản phẩm được sử dụng để ghi sổ cho sản phẩm đã hoàn thành nhập kho hoặc giao thẳng cho khách hàng, đồng thời là căn cứ để tính giá vốn hàng bán và lãi gộp trong kỳ ở các doanh nghiệp.

- Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ: Bao gồm giá thành sản xuất và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm tiêu thụ. Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ chỉ xác định và tính toán khi sản phẩm, công việc hoặc lao vụ đã được xác định là tiêu thụ. Giá thành toàn bộ là căn cứ để tính toán, xác định mức lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

## ***1.4. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành***

### ***1.4.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất***

Việc xác định đối tượng hạch toán CPSX là khâu đầu tiên của toàn bộ nội dung công tác kế toán tập hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

Đối tượng hạch toán CPSX được hiểu là những phạm vi giới hạn mà CPSX thực tế phát sinh cần được tập hợp. Thực chất của việc xác định đối tượng hạch toán CPSX là xác định nơi phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, giai đoạn công nghệ...) hoặc đối tượng chịu chi phí (sản phẩm, đơn đặt hàng...)

Để xác định đúng đối tượng hạch toán CPSX cần phải căn cứ vào những cơ sở sau:

- Đặc điểm tổ chức sản xuất.
- Quy trình công nghệ kỹ thuật sản xuất sản phẩm.



- Đặc điểm tổ chức, yêu cầu trình độ quản lý doanh nghiệp.

Trên cơ sở trên đối tượng hạch toán CPSX có thể là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất hay từng giai đoạn, từng phân xưởng, từng tổ đội sản xuất. Cũng có thể là từng nhóm sản phẩm, từng công trình xây dựng, từng đơn đặt hàng, từng chi tiết sản phẩm...

Như vậy, xác định đúng đối tượng hạch toán CPSX phù hợp với tình hình hoạt động, đặc điểm quy trình sản xuất sản phẩm và đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí của doanh nghiệp mới tạo điều kiện để tổ chức tốt công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

#### ***1.4.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm***

Các CPSX thực tế phát sinh được tập hợp là cơ sở để các định giá thành sản phẩm. Do vậy: đối tượng tính giá thành sản phẩm chính là những sản phẩm, công việc lao vụ, dịch vụ, những đơn đặt hàng, công trình, hạng mục công trình... đã hoàn thành cần xác định được chi phí thực tế cấu thành.

Việc xác định đối tượng tính giá thành cũng cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, khả năng, yêu cầu quản lý cũng như tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể.

Như vậy, xác định đối tượng tính giá thành đúng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của doanh nghiệp giúp cho kế toán tổ chức mở sổ kế toán và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ của doanh nghiệp.

#### ***1.4.3. Kỳ tính giá thành***

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Nguyên tắc chung của kỳ tính giá thành là khi kết thúc quy trình công nghệ sản xuất hoặc kết thúc một giai đoạn công nghệ phải phù hợp với yêu cầu trình độ quản lý. Do vậy, xác định kỳ tính giá thành phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, chu kỳ sản xuất, yêu cầu trình độ kế toán của nhân viên

giá thành. Thông thường doanh nghiệp sản xuất với khối lượng sản phẩm lớn, chu kỳ sản xuất ngắn và xen kẽ liên tục, kỳ tính giá thành thích hợp nhất là hàng tháng. Nếu chu kỳ sản xuất dài thì kỳ tính thích hợp nhất là thời điểm mà sản phẩm đó hoàn thành.

***1.5. Phương pháp trình tự hạch toán chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành sản phẩm***

***1.5.1. Phương pháp trình tự hạch toán chi phí sản xuất***

***1.5.1.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất***

Ở góc độ chung các chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp vào các đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo một trong 2 phương pháp sau:

\* *Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp* : áp dụng đối với các chi phí có thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng tập hợp chi phí. Đây là phương pháp tập hợp chi phí chính xác nhất, đồng thời lại theo dõi trực tiếp chi phí liên quan tới các đối tượng cần theo dõi. Nó có ý nghĩa rất to lớn đối với kế toán quản trị của doanh nghiệp. Tuy nhiên không phải lần nào cũng sử dụng được phương pháp này. Trên thực tế có rất nhiều chi phí liên quan đến các đối tượng và không thể theo dõi riêng được. Tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp trực tiếp tốn rất nhiều thời gian, công sức nhưng chính xác, hiệu quả.

\* *Phương pháp phân bổ gián tiếp* : được áp dụng khi 1 loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng, trường hợp này phải lựa chọn tiêu chuẩn hợp lý để tiến hành phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan theo công thức:

$$H = \frac{C}{T}$$

Trong đó:

H : hệ số phân bổ chi phí

C : Tổng chi phí sản xuất đã tập hợp cần phân bổ

T : Tổng đại lượng của tiêu thức phân bổ của các đối tượng

Tính mức chi phí cho từng đối tượng:

$$C_i = H * T_i$$

Trong đó:  $C_i$ : Chi phí phân bổ cho đối tượng  $i$

$H$ : Hệ số phân bổ

$T_i$ : Đại lượng của tiêu chuẩn phân bổ của đối tượng  $i$

Phương pháp này giúp cho kế toán đỡ vất vả hơn, không phải theo dõi chi tiết cụ thể cho từng đối tượng. Tuy nhiên việc phân bổ giá thành có tính chính xác không cao, sự chính xác phụ thuộc chủ yếu vào việc lựa chọn tiêu thức phân bổ.

### **1.5.1.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất**

Tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo trình tự hợp lý, khoa học là bước cơ bản để tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời. Doanh nghiệp sản xuất bao gồm nhiều loại hình khác nhau, có đặc điểm riêng về tổ chức sản xuất quản lý cũng như quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm rất đa dạng. Tuy nhiên, nếu xét một cách tổng quát thì quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất có những điểm chung, có tính chất căn bản bao gồm các bước sau:

- Bước 1: Tập hợp các chi phí có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất đã lựa chọn.

- Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ trợ cho từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành lao vụ.

- Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.

- Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

Tùy theo phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp mà nội dung, cách thức hạch toán chi phí sản xuất có những điểm khác nhau.

### **1.5.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm**

Trên cơ sở các CPSX thực tế phát sinh đã tập hợp được và kết quả

đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ, kế toán tiến hành tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành bằng các phương pháp tính giá phù hợp.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là một phương pháp hoặc hệ thống các phương pháp được sử dụng để tính giá thành của đơn vị sản phẩm, nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành.

Tùy vào đặc điểm của đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm mà lựa chọn phương pháp tính giá cho phù hợp. Lựa chọn đúng đắn phương pháp tính giá thành sẽ góp phần vào việc hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn và đem lại lợi nhuận ngày càng nhiều cho doanh nghiệp.

**1.5.2.1. Phương pháp giản đơn ( phương pháp trực tiếp)**

Phương pháp này căn cứ trực tiếp vào số CPSX thực tế phát sinh đã tập hợp được cho từng đối tượng chịu chi phí, số CPSX tính cho số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ cũng như kết quả sản phẩm để tính ra giá thành thực tế của toàn bộ sản phẩm và đơn vị sản phẩm theo công thức sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Tổng giá} \\
 \text{thành sản} \qquad \qquad \text{Chi phí sản} \qquad \qquad \text{Chi phí sản xuất} \qquad \qquad \text{Chi phí sản} \\
 \text{phẩm hoàn} = \text{xuất dở dang} + \text{thực tế phát sinh} - \text{xuất dở dang} \\
 \text{thành} \qquad \qquad \text{đầu kỳ} \qquad \qquad \text{trong kỳ} \qquad \qquad \text{cuối kỳ}
 \end{array}$$
  

$$\begin{array}{l}
 \text{Giá thành đơn vị sản} \qquad \qquad \text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ} \\
 \text{phẩm} = \frac{\hspace{15em}}{\hspace{15em}} \\
 \qquad \qquad \qquad \qquad \qquad \qquad \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}
 \end{array}$$

Phương pháp tính giá thành giản đơn (trực tiếp) được áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ giản đơn, sản xuất khép kín, chủng loại mặt hàng ít, khối lượng nhiều, chu kỳ sản xuất ngắn.

**1.5.2.2. Phương pháp hệ số**

Phương pháp này được áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp trong cùng một quy trình công nghệ thu được nhiều loại sản phẩm khác nhau (với cùng lượng NVL trực tiếp bỏ vào từ đầu), các sản phẩm này có thể quy đổi về sản phẩm gốc và chi phí không tập hợp riêng được cho từng loại sản phẩm.

Trong trường hợp này đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ, còn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm.

Ngoài ra khi áp dụng phương pháp này phải xác định được hệ số tính giá tính giá thành cho từng loại sản phẩm.

Để tính giá thành cho từng loại sản phẩm, kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy tất cả các loại sản phẩm khác nhau về sản phẩm gốc (sản phẩm tiêu chuẩn). Hệ số quy đổi được xây dựng dựa trên đặc điểm kinh tế hoặc tính chất của sản phẩm, trong đó sản phẩm có đặc trưng tiêu biểu mang hệ số 1.

Sau đó áp dụng công thức tính giá thành đơn vị cho sản phẩm gốc. Cuối cùng, căn cứ vào hệ số quy đổi và giá thành đơn vị chuẩn ở trên để tính giá thành thực tế cho từng sản phẩm cụ thể.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số sản phẩm gốc} \\ \text{hoàn thành} \end{array} = \sum \left( \begin{array}{l} \text{Số lượng từng loại} \\ \text{sản phẩm hoàn thành} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi} \\ \text{của từng loại} \end{array} \right)$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm gốc} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{của từng loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm gốc} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi của} \\ \text{từng loại} \end{array}$$

**1.5.2.3. Phương pháp tỷ lệ**

Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp có cùng quy trình công nghệ sản xuất, cùng sử dụng các yếu tố đầu vào, sản xuất ra các loại sản phẩm khác nhau về kích cỡ, quy cách, phẩm chất,... nhưng lại không quy đổi ra sản phẩm tiêu chuẩn được. Vì những sản phẩm này có giá trị sử dụng khác nhau chẳng hạn như trong doanh nghiệp chế biến đồ gỗ, cơ khí chế tạo,...

Theo phương pháp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là nhóm sản phẩm cùng loại hoặc phân xưởng sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành.

Để tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng nhiều tiêu thức phân bổ khác nhau như giá thành kế hoạch, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, trọng lượng sản phẩm,... Thông thường có thể sử dụng giá thành kế hoạch hoặc giá thành định mức để tính tỷ lệ chi phí và dựa vào đó tính toán ra giá thành thực tế cho từng loại sản phẩm.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành kế} \\ \text{hoạch( định mức)} \end{array} = \sum \left( \begin{array}{l} \text{Số lượng từng loại} \\ \text{sản phẩm hoàn} \\ \text{thành thực tế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá thành kế} \\ \text{hoạch( định mức)} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \\ \text{từng loại} \end{array} \right)$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{thực tế các loại} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{đang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \\ \text{chi phí} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch( định mức) của các loại sản phẩm}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành thực tế} \\ \text{từng loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá thành kế hoạch} \\ \text{( định mức) từng loại} \\ \text{sản phẩm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ chi phí} \\ \text{sản phẩm} \end{array}$$

**1.5.2.4. Phương pháp tổng cộng chi phí**

Áp dụng với các doanh nghiệp mà sản phẩm hoàn thành trong quy trình công nghệ bao gồm nhiều chi tiết, bộ phận cấu thành. Quá trình sản xuất được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ để lắp ráp ra sản phẩm hoàn chỉnh.

Do đó, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường là các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay các giai đoạn, bộ phận sản xuất. Đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành. Giá thành sản xuất được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên sản phẩm

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

**1.5.2.5. Phương pháp theo đơn đặt hàng**

Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng được áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt nhỏ theo đơn đặt hàng của khách hàng. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng và đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Theo phương pháp này, chi phí nào liên quan trực tiếp đến từng đơn đặt hàng, thì sẽ được tập hợp trực tiếp cho đơn đặt hàng đó. Những chi phí liên quan đến nhiều đơn đặt hàng khác nhau thì tập hợp riêng sau đó phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức hợp lý.

Việc tính giá thành chỉ tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thường không trùng với kỳ hạch toán.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản} \\ \text{phẩm hoàn thành của} \\ \text{đơn hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

$\frac{\text{Giá thành thực tế đơn}}{\text{vị sản phẩm}}$

=

$\frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành}}$

$\times \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành của đơn đặt hàng}$

Nếu trong đơn đặt hàng có nhiều sản phẩm thì có thể kết hợp với phương pháp giản đơn, hệ số,...

### **1.5.2.6. Phương pháp phân bước**

Phương pháp này được áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, chế biến kiểu liên tục qua nhiều giai đoạn, nhiều bước kế tiếp nhau theo một trình tự nhất định. Mỗi bước, mỗi giai đoạn tạo ra một loại bán thành phẩm. Bán thành phẩm của bước này là đối tượng chế biến của bước tiếp theo, cứ như vậy cho đến bước cuối cùng để tạo ra thành phẩm hoàn chỉnh.

Do vậy, tùy theo đặc điểm, tình hình cụ thể mà đối tượng tính giá thành trong các doanh nghiệp loại hình này có thể là thành phẩm ở giai đoạn công nghệ cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối.

Khi thực hiện phương pháp phân bước thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là từng giai đoạn công nghệ hoặc từng phân xưởng sản xuất riêng biệt tham gia vào quy trình tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh. Đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm, cũng có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ. Chính vì sự khác nhau về đối tượng tính giá thành nên kế toán có thể lựa chọn một trong hai phương án sau:

\* Phương án 1: Tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển tuần tự)

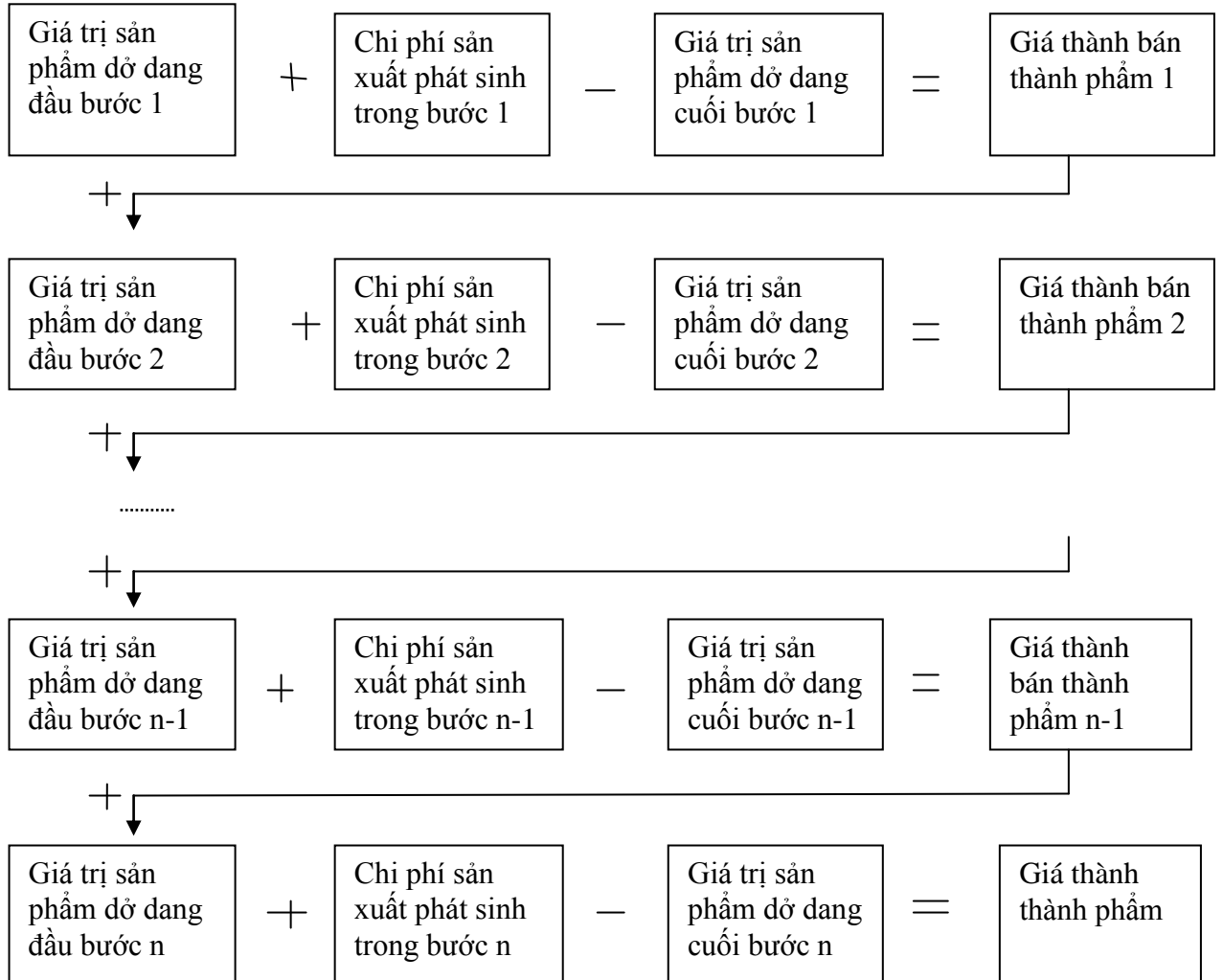
Phương án này áp dụng cho doanh nghiệp có quy trình sản xuất mà mỗi giai đoạn có yêu cầu tính giá thành bán thành phẩm do bán thành phẩm có giá trị sử dụng độc lập có thể nhập kho đem bán hoặc tiếp tục chế biến.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ. Đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm của các giai đoạn công nghệ và sản phẩm hoàn thành. Việc kết chuyển chi phí từ giai đoạn trước sang giai đoạn sau được thực hiện qua n bước:



Sơ đồ 1.1: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước

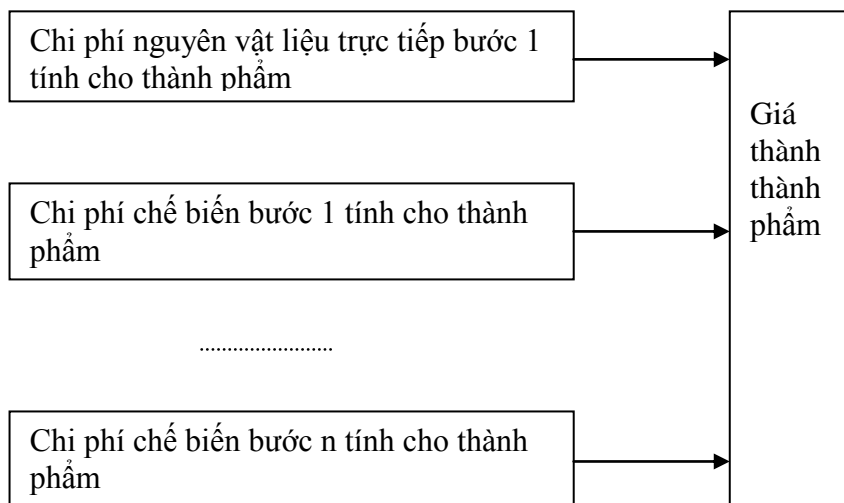
Có tính giá thành bán thành phẩm trong doanh nghiệp  
sản xuất sản phẩm phải qua n bước



\* Phương án 2: Tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển song song)

Phương pháp này được áp dụng thích hợp đối với doanh nghiệp sản xuất kiểu phức tạp, chế biến kiểu liên tục không tiêu thụ bán thành phẩm hoặc việc tiêu thụ này có ý nghĩa không lớn. Việc tính giá thành sản phẩm bước cuối cùng được thể hiện trên sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.2: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm**



**1.5.2.7. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ**

Phương pháp này được áp dụng thích hợp đối với các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình, bên cạnh những sản phẩm chính thu được những sản phẩm phụ (các doanh nghiệp chế biến đường, rượu, bia, xay xát lương thực,...). Để tính chính xác giá trị sản phẩm chính kế toán phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ ra khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm.

Theo phương pháp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình sản xuất hoặc phân xưởng, đối tượng tính giá thành là sản phẩm chính.

Giá trị sản phẩm phụ thu hồi có thể xác định được theo nhiều phương pháp như giá ước tính, giá kế hoạch, giá nguyên liệu ban đầu...

$$\begin{array}{l}
 \text{Tổng giá} \\
 \text{thành sản} \\
 \text{phẩm chính} \\
 \text{hoàn thành}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị sản} \\
 \text{phẩm chính} \\
 \text{dở dang đầu} \\
 \text{kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Tổng chi phí} \\
 \text{sản xuất phát} \\
 \text{sinh trong kỳ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị sản} \\
 \text{phẩm phụ} \\
 \text{thu hồi}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị sản} \\
 \text{phẩm chính dở} \\
 \text{dang cuối kỳ}
 \end{array}$$

### 1.6.Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc đang trong quá trình công nghệ sản xuất, chưa đến kỳ thu hoạch, chưa hoàn thành, còn đang nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng còn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành sản phẩm hoàn chỉnh.

Đánh giá SPDD là xác định phần CPSX tính cho SPDD cuối kỳ. Việc đánh giá giá trị sản phẩm dở dang là một trong những yếu tố quyết định đến tính trung thực, hợp lý của giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Tùy thuộc vào mức độ, thời gian tham gia của chi phí vào quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm và yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp mà vận dụng phương pháp đánh giá SPDD cuối kỳ cho phù hợp.

#### 1.6.1.Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này kế toán chỉ đánh giá SPDD cuối kỳ cho phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn khoản chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cả cho sản phẩm hoàn thành.

Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi NVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

#### 1.6.2.Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương

Theo phương pháp này, kế toán dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành rồi từ đó xác định từng khoản mục chi phí nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Đối với chi phí bỏ hết một lần ngay từ đầu vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành.

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí NVL trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} \\
 \text{=} \\
 \frac{\text{Chi phí NVL trong sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}
 \end{array}$$

- Đối với chi phí bỏ dần vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được gọi là chi phí chế biến chỉ được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí chế biến trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} \\
 \text{=} \\
 \frac{\text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} - \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}} \times \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}
 \end{array}$$

Khi áp dụng phương pháp này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chính xác cao. Tuy nhiên, khối lượng tính toán lớn nên mất nhiều thời gian. Mặt khác, việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang nặng tính chủ quan. Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp mà sản phẩm của doanh

ngành có tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tổng chi phí sản phẩm không quá lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều biến động lớn so với đầu kỳ.

### 1.6.3.Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính

Theo phương pháp này, kế toán giả định trong sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ có chi phí nguyên vật liệu chính mà không tính đến các chi phí sản xuất khác (chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung).

Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} \\ \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} \\ \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí NVL phát sinh trong kỳ} \\ \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array}}{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

### 1.6.4.Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức

Phương pháp này chỉ áp dụng thích hợp với doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức và dự toán chi phí hoặc thực hiện phương pháp tính giá thành định mức.

Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang, mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn sản xuất để tính ra giá trị từng sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất định mức đơn vị sản phẩm} \end{array} \times \left( \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức độ hoàn thành} \end{array} \right)$$

**1.7.Nội dung hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm**

**1.7.1.Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên**

**1.7.1.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, bán thành phẩm mua ngoài, nhiên liệu...sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ, lao vụ.

Chúng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Đề nghị tạm ứng
- Bảng phân bổ vật liệu, công cụ dụng cụ
- .....

*Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 621 “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

**Kết cấu tài khoản 621**

***Bên nợ:***

- Trị giá thực tế nguyên vật liệu, vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ trong kỳ.

***Bên có:***

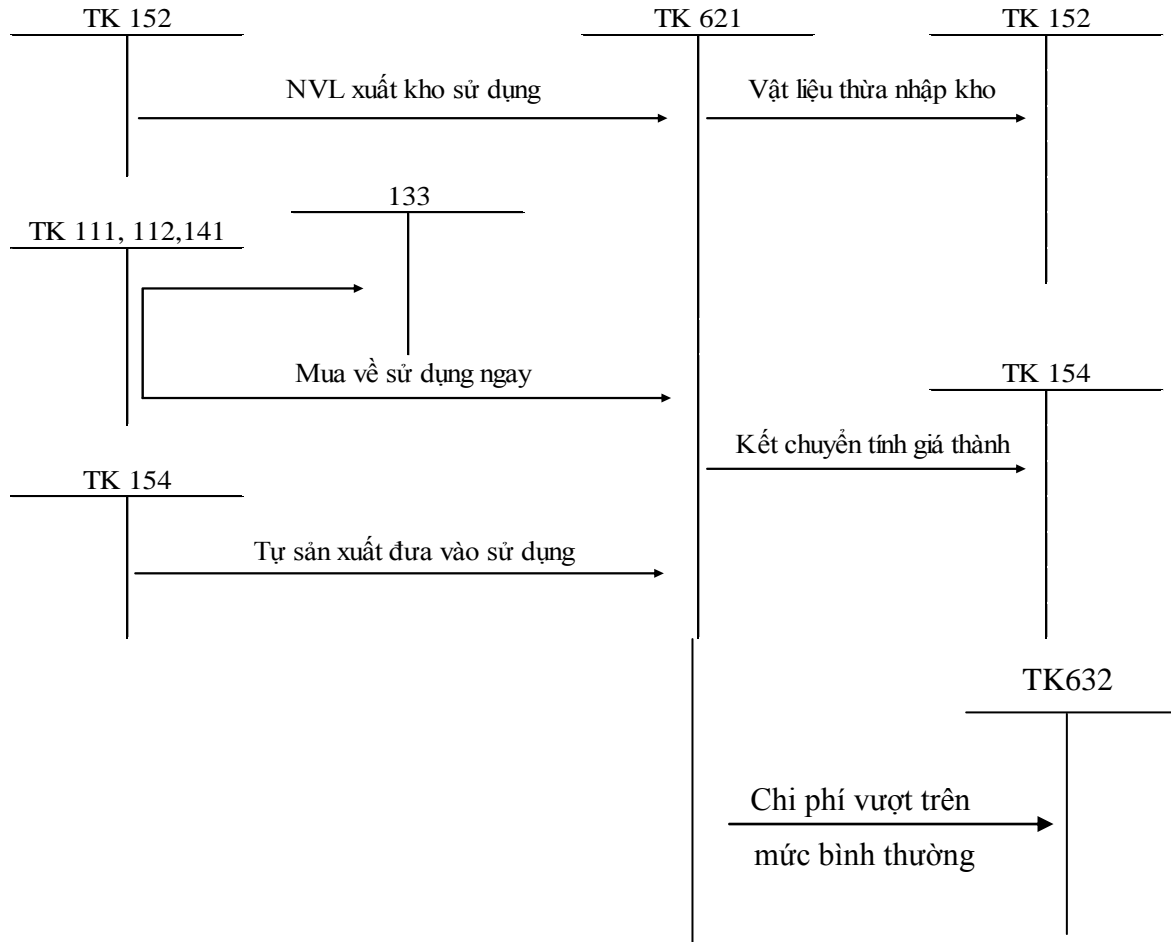
- Trị giá nguyên vật liệu, vật liệu xuất dùng trực tiếp sử dụng không được nhập kho.

- Kết chuyển hoặc tính phân bổ trị giá vật liệu, vật liệu thực tế sử dụng cho hoạt động xây lắp trong kỳ vào TK 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” và chi tiết cho các đối tượng để tính giá thành sản phẩm,...

Tài khoản 621 không có số dư cuối kỳ.

Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Sơ đồ 1.3. Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



(1)- Khi xuất kho các loại nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm, ghi:

Nợ TK 621: chi tiết theo từng đối tượng

Có TK 152

(2)- Khi mua nguyên vật liệu không nhập kho mà giao thẳng cho sản xuất sản phẩm

- Dùng cho sản xuất sản phẩm chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Nợ TK 621

Nợ TK 133

Có TK 111,112,331...

- Dùng cho sản xuất sản phẩm chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Nợ TK 621

Có TK 111,112,331...

(3)- Trường hợp nguyên vật liệu xuất dùng không hết trả lại kho

Nợ TK 152

Có TK 621

(4) Cuối kỳ căn cứ vào bảng phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kết chuyển để tính giá thành

Nợ TK 154

Nợ TK 632

Có TK 621

### **1.7.1.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp**

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản chi phí lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh

*Chứng từ sử dụng*

- Bảng chấm công
- Giấy tạm ứng
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ....



*Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”

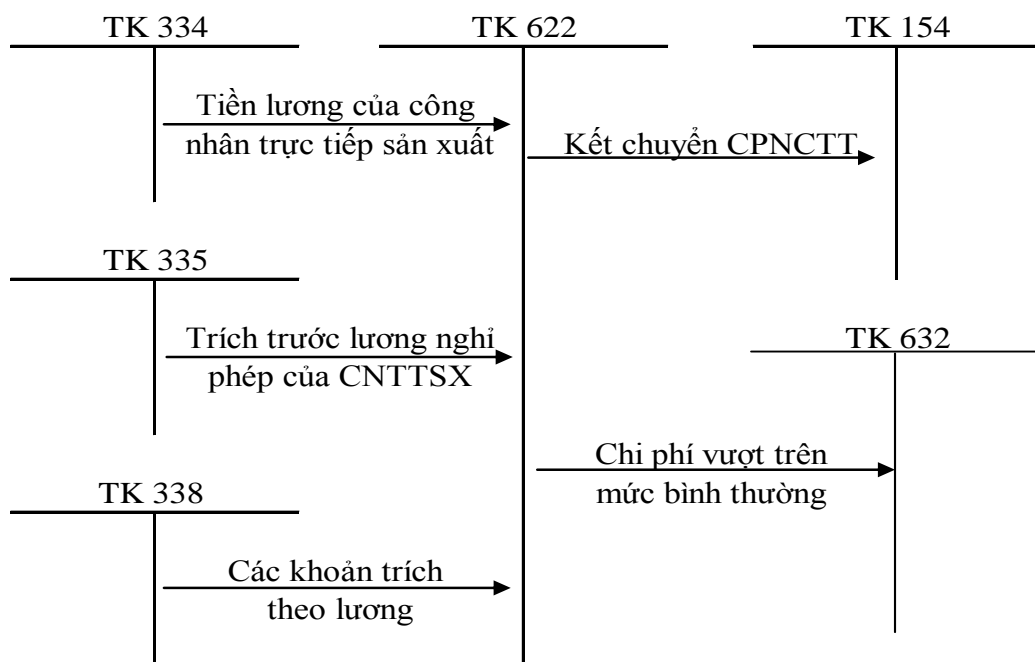
**Kết cấu tài khoản 622****Bên nợ**

- Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm (sản xuất sản phẩm công nghiệp, sản xuất sản phẩm xây lắp) thực hiện dịch vụ bao gồm: tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích theo lương theo quy định phát sinh trong kỳ ( riêng đối với hoạt động xây lắp không bao gồm các khoản trích trên lương về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ).

**Bên có**

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào bên nợ TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

TK 622 không có số dư cuối kì.

**Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu****Sơ đồ 1.4. Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp**

(1) Khi tính tiền lương, các khoản phụ cấp phải trả cho nhân công trực tiếp sản xuất

Nợ TK 622

Có TK 334

(2) Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất

Nợ TK 622

Có TK 335

(3) Các khoản trích theo lương

Nợ TK 622

Có TK 338

(4) Cuối kỳ kết chuyển chi phí để tính giá thành sản phẩm

Nợ TK 154

Có TK 622

### **1.7.1.3. Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công**

Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức máy thi công: tổ chức đội máy thi công riêng biệt chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy thi công cho các đội, xí nghiệp xây lắp.

*Chứng từ sử dụng*

- Nhật trình xe, máy
- Phiếu theo dõi hoạt động xe máy thi công
- Bảng phân bổ
- Bảng tính chi phí phải trả, chi phí trả trước
- .....

*Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 623 “ Chi phí sử dụng máy thi công”

---

**Kết cấu tài khoản 623**

**Bên nợ**

- Các chi phí liên quan đến máy thi công ( chi phí nguyên vật liệu cho máy hoạt động, chi phí lương và các khoản phụ cấp lương, tiền công của công nhân trực tiếp điều khiển máy, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy thi công... )

**Bên có**

- Kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sử dụng máy thi công vào bên nợ tài khoản 154 - “ chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang “.

Tài khoản 623 không có số dư cuối kì

**Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

**\* Trường hợp có tổ chức xe, máy thi công riêng và hạch toán kế toán riêng**

(1) Hạch toán chi phí liên quan đến hoạt động của đội xe, máy thi công

Nợ TK 621, 622, 627

Có TK 111,112,152,334,214,,

- Cuối kỳ kết chuyển

Nợ TK 154

Có TK 621,622,627

**\* Trường hợp không tổ chức đội xe, máy thi công riêng, hoặc có tổ chức đội xe, máy riêng nhưng không hạch toán kế toán riêng**

(1) Các chi phí sử dụng xe, máy thi công phát sinh

Nợ TK 623

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 152, 334....

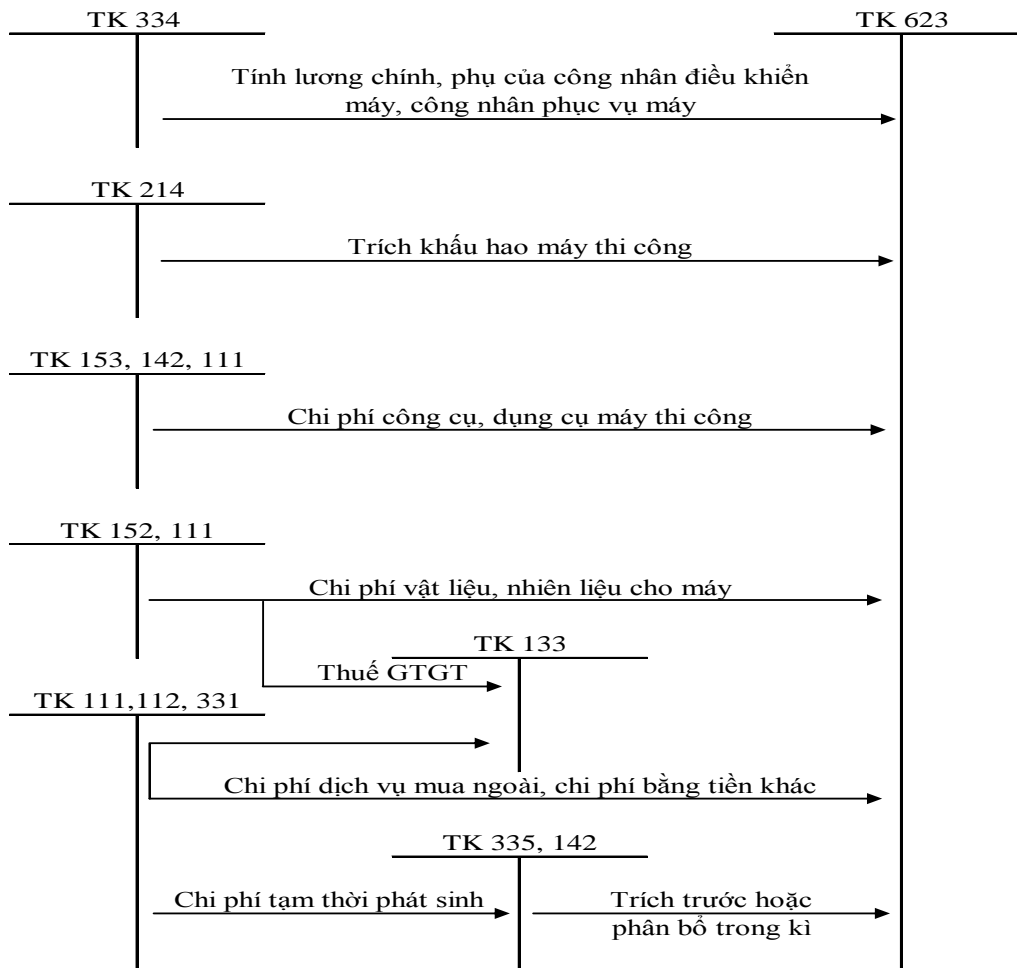
(2) Căn cứ vào bảng phân bổ chi phí sử dụng xe , máy thi công tính cho từng công trình, hạng mục công trình

Nợ TK 154

Nợ TK 632

Có TK 623

## Sơ đồ 1.5. Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công

**1.7.1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ và quản lý sản xuất gắn liền với từng phân xưởng sản xuất. Chi phí sản xuất chung là loại chi phí tổng hợp gồm các khoản: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài, khấu hao máy móc nhà xưởng, tiền sửa máy, các khoản chi phí khác bằng tiền dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh

*Chứng từ sử dụng*

- Giấy tạm ứng
- Phiếu chi.
- Hóa đơn mua hàng.
- Bảng thanh toán lương.

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- .....

*Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 627 “ Chi phí sản xuất chung”

**Kết cấu tài khoản 627**

**Bên nợ**

- Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ gồm: lương, phụ cấp lương, tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận, đội sản xuất, khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ được tính theo tỷ lệ hiện hành trên tiền lương, phải trả cho nhân viên quản lý phân xưởng bộ phận, đội sản xuất, chi phí đi vay được vốn hóa tính vào giá trị tài sản đang trong quá trình sản xuất dở dang và những chi phí có liên quan tới hoạt động phân xưởng, đội sản xuất, bộ phận

**Bên có**

- Các tài khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung.
- Kết chuyển chi phí sản xuất chung vào bên nợ TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

*TK 627 không có số dư cuối kỳ*

**Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

(1) Các chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh

Nợ TK 627

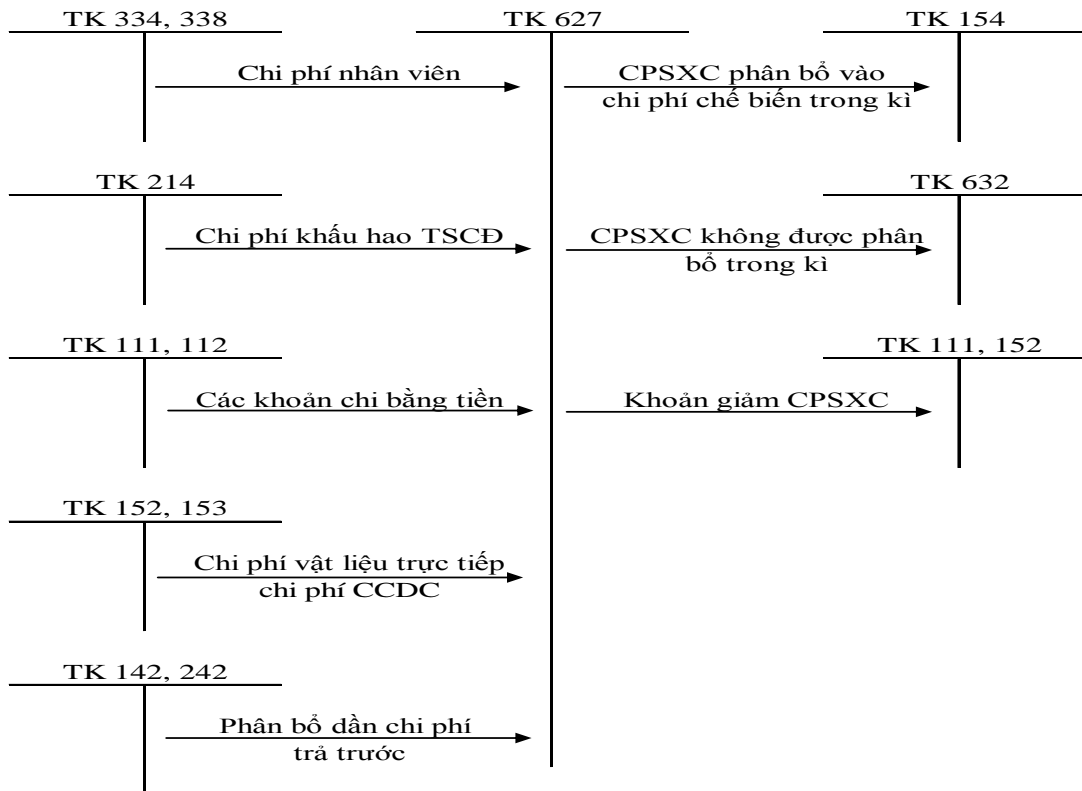
Có TK 111,112,152,214,334...

(2) Cuối kỳ kế toán kết chuyển để tính giá thành

Nợ TK 154

Có TK 627

## Sơ đồ 1.6. Tập hợp chi phí sản xuất chung



## 1.7.1.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

Giá thành sản phẩm là toàn bộ các chi phí tính bằng tiền để hoàn thành khối lượng sản phẩm

*Chứng từ sử dụng*

- Sổ chi phí SXKD mở cho các tài khoản chi phí
- Bảng phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Bảng phân bổ chi phí nhân công trực tiếp
- Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung
- .....

*Tài khoản sử dụng*

Để hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm kế toán sử dụng TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

**Bên nợ**

- Kết chuyển chi phí sản xuất phát sinh trong kì của từng đối tượng chịu chi phí để tính giá thành sản phẩm.

- Giá thành xây lắp của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao cho nhà thầu chính được xác định tiêu thụ trong kì kế toán.

**Bên có**

- Giá thành sản phẩm hoàn thành bàn giao.

**Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

(1) Cuối kỳ kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung

Nợ TK 154

Có TK 621

Có TK 622

Có TK 623

Có TK 627

(2) Giá trị phế liệu thu hồi nhập kho

Nợ TK 152

Có TK 154

(3) Giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được

Nợ TK 138

Nợ TK 811

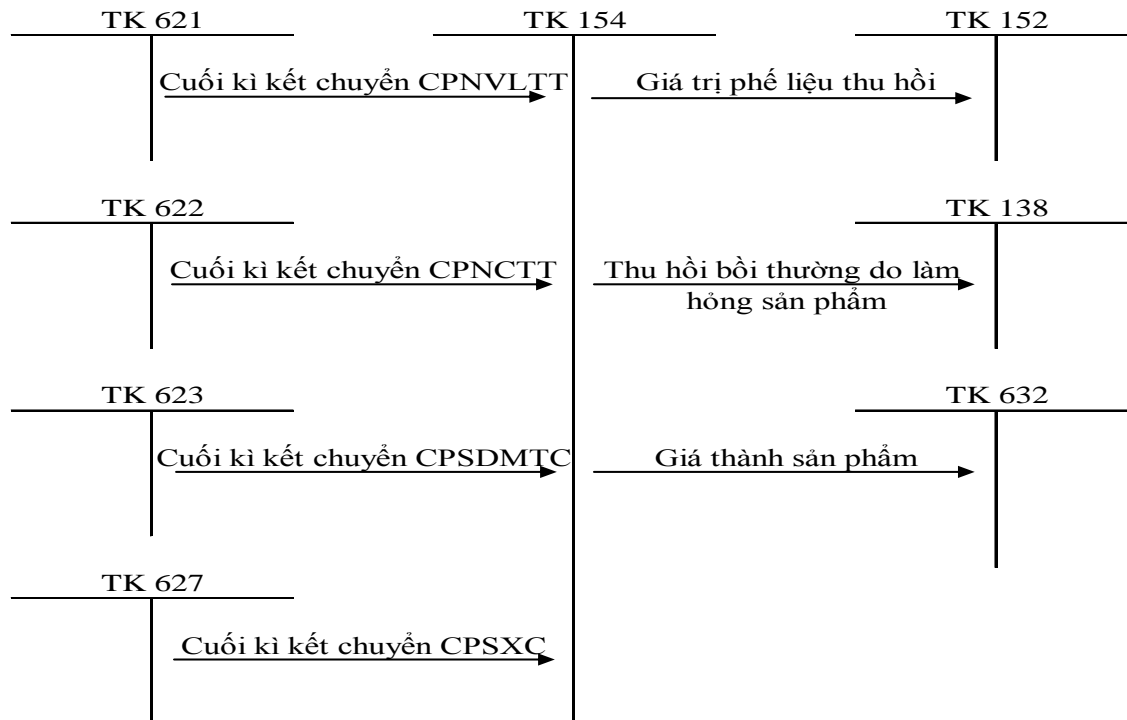
Có TK 154

(4) Giá thành sản phẩm hoàn thành nhập kho, giao cho khách hàng

Nợ TK 155, 157, 632

Có TK 154

## Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán giá thành



### 1.7.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục về tình hình tăng giảm chi phí trên các tài khoản phản ánh giá trị đầu kỳ và cuối kỳ trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, để từ đó xây dựng lượng chi phí thực tế đã bỏ ra cho sản xuất và các mục đích khác trong kỳ.

Để phục vụ cho việc tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng TK 631 “Giá thành sản phẩm”. Tài khoản chi tiết theo địa điểm phát sinh và theo loại, nhóm sản phẩm.

Tài khoản 631 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

#### Bên nợ

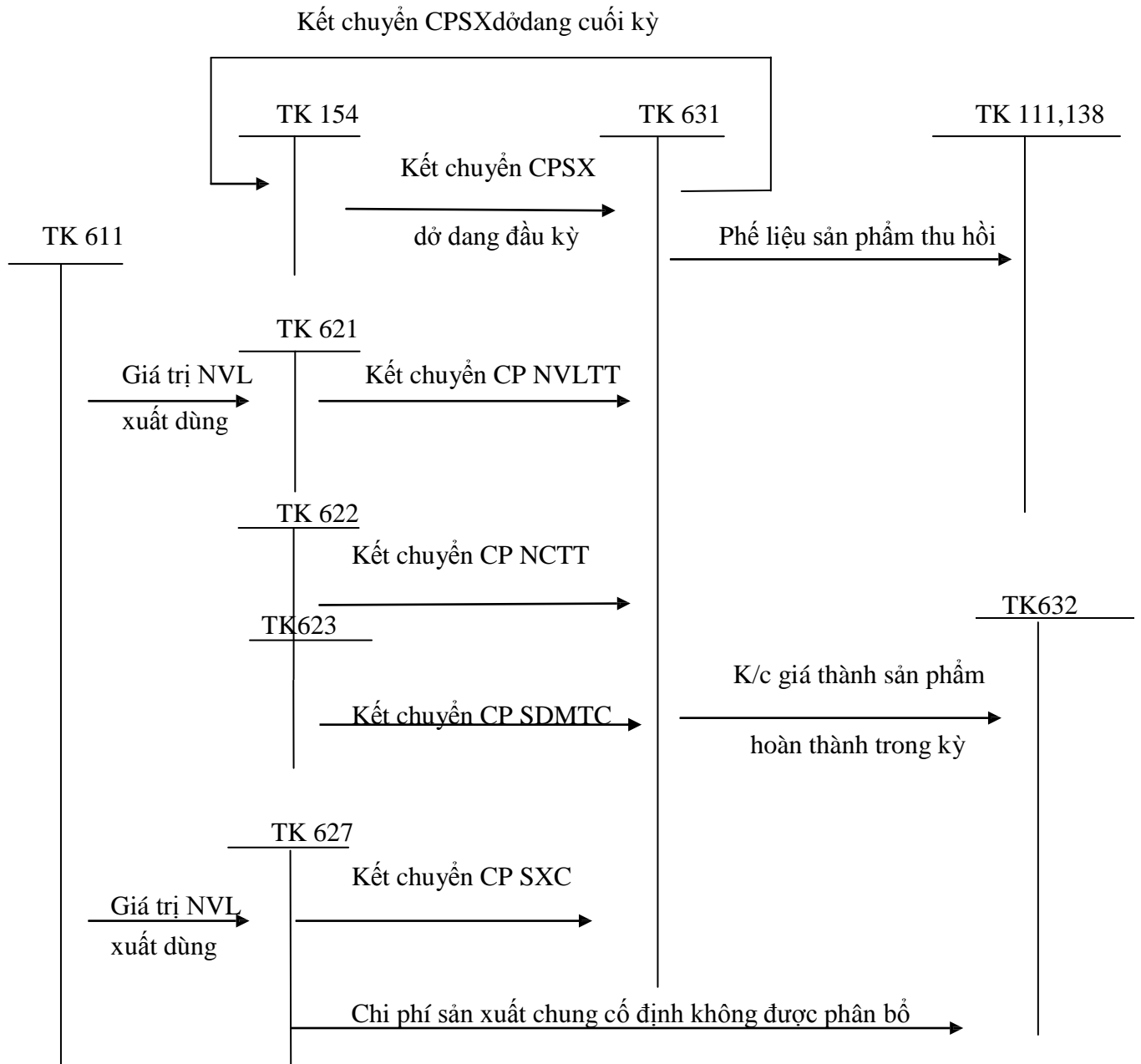
- Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ.
- Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.



**Bên có**

- Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành bàn giao.
- Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

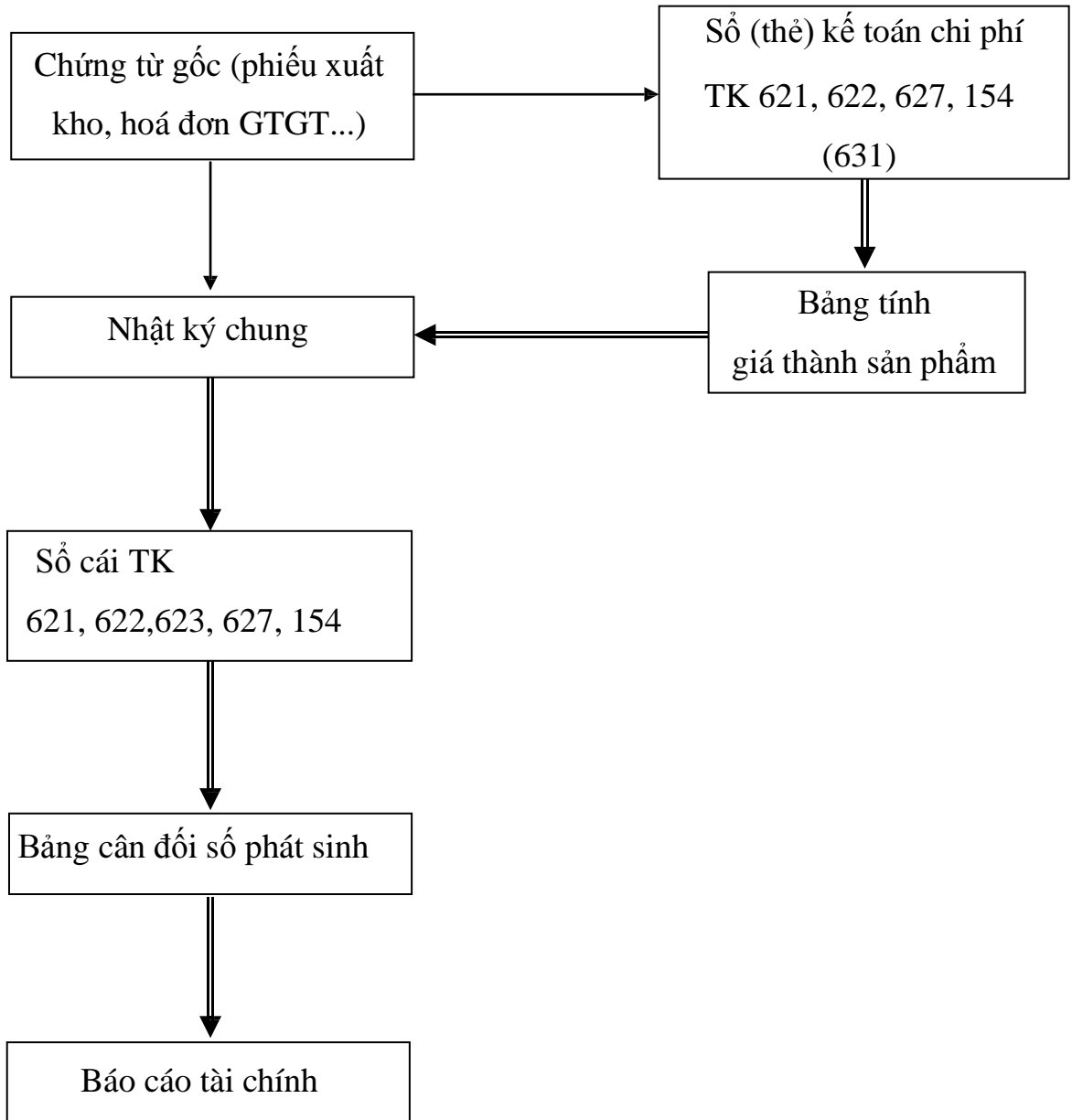
**Sơ đồ 1.8. Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



1.8.Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.

1.8.1.Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung

Sơ đồ 1.9 : Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung



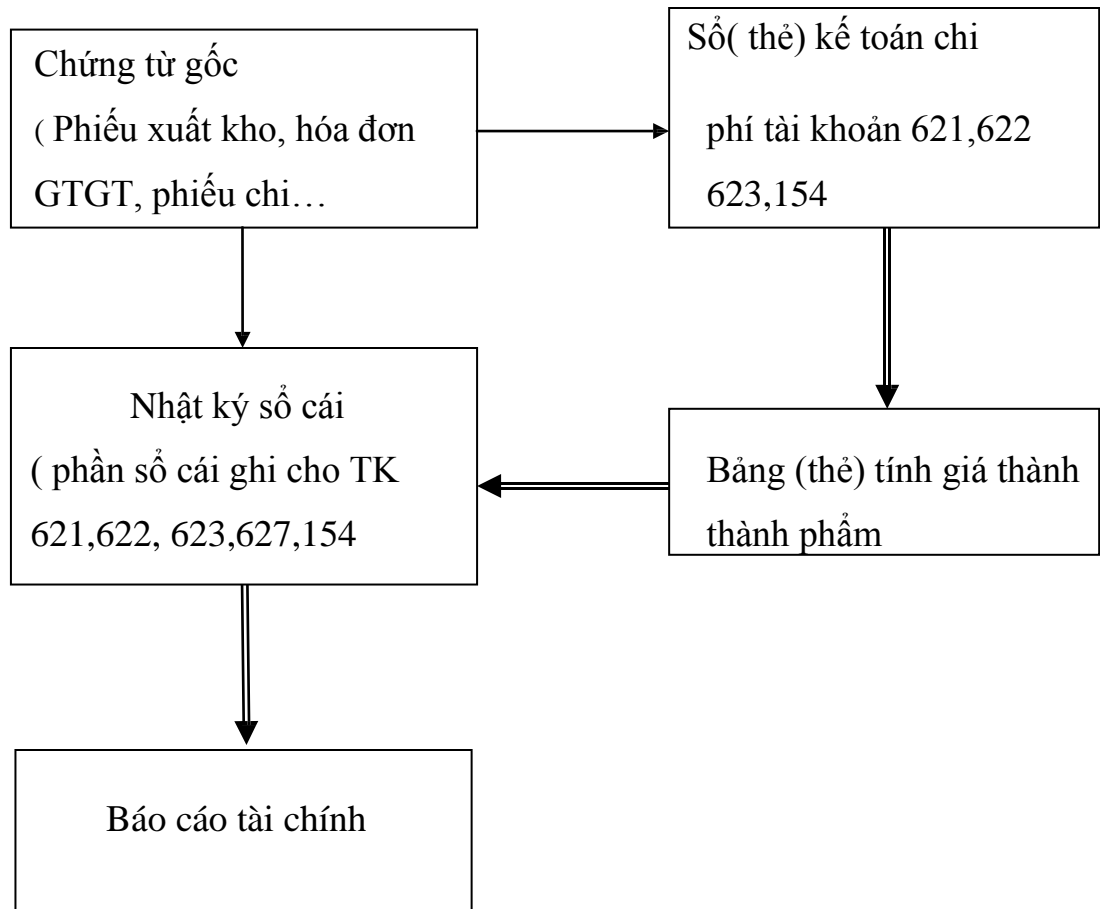
Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

==> Ghi định kỳ

**1.8.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái**

**Sơ đồ 1.10 : Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**



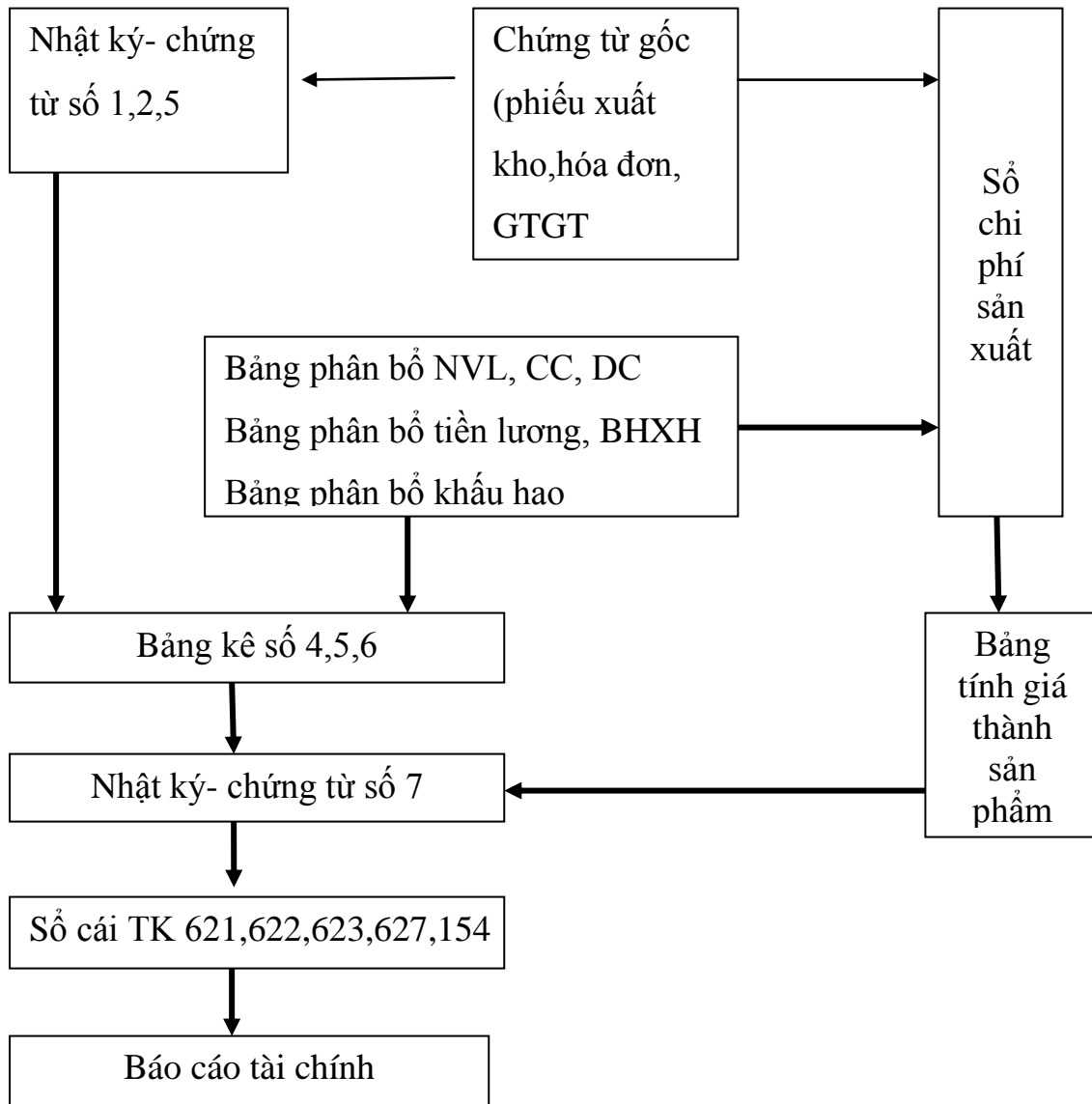
**Ghi chú:**

————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi định kỳ

### 1.8.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ

Sơ đồ 1.11 : Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ

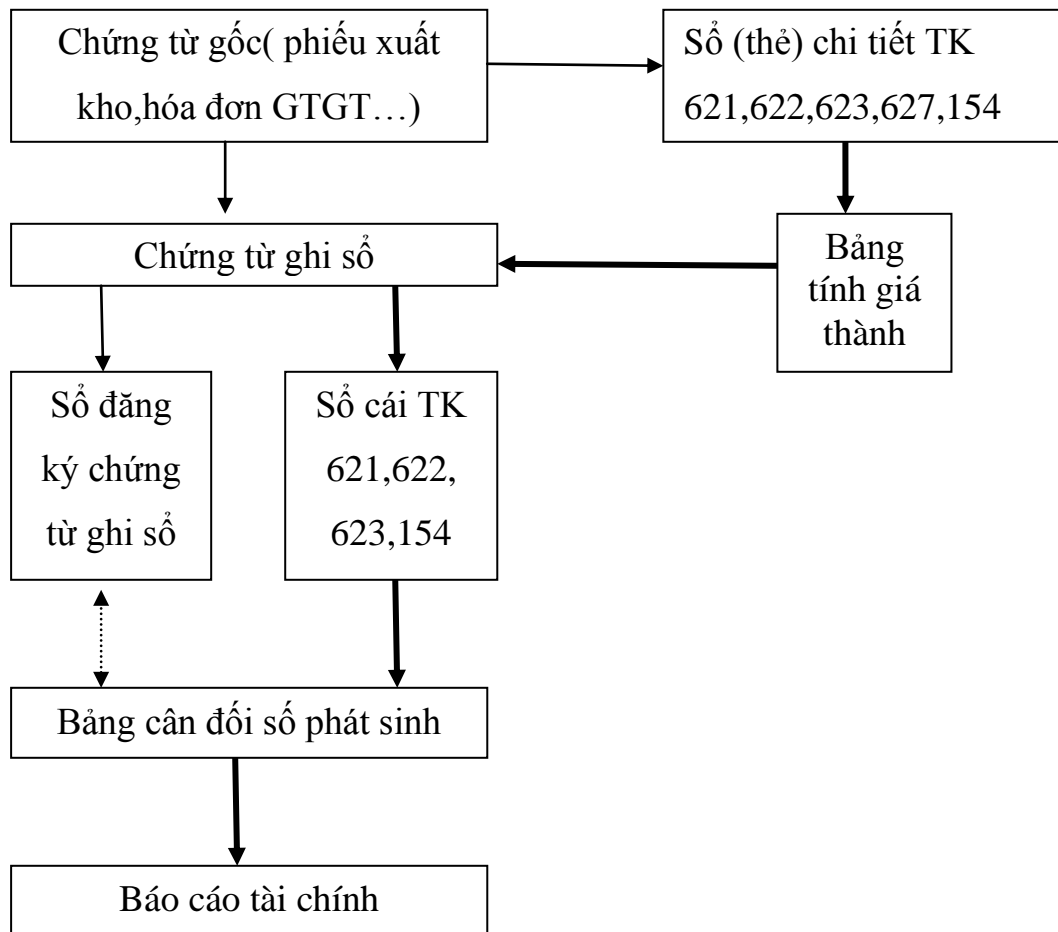


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày  
 → Ghi định kỳ

### 1.8.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ

Sơ đồ 1.12 : Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ

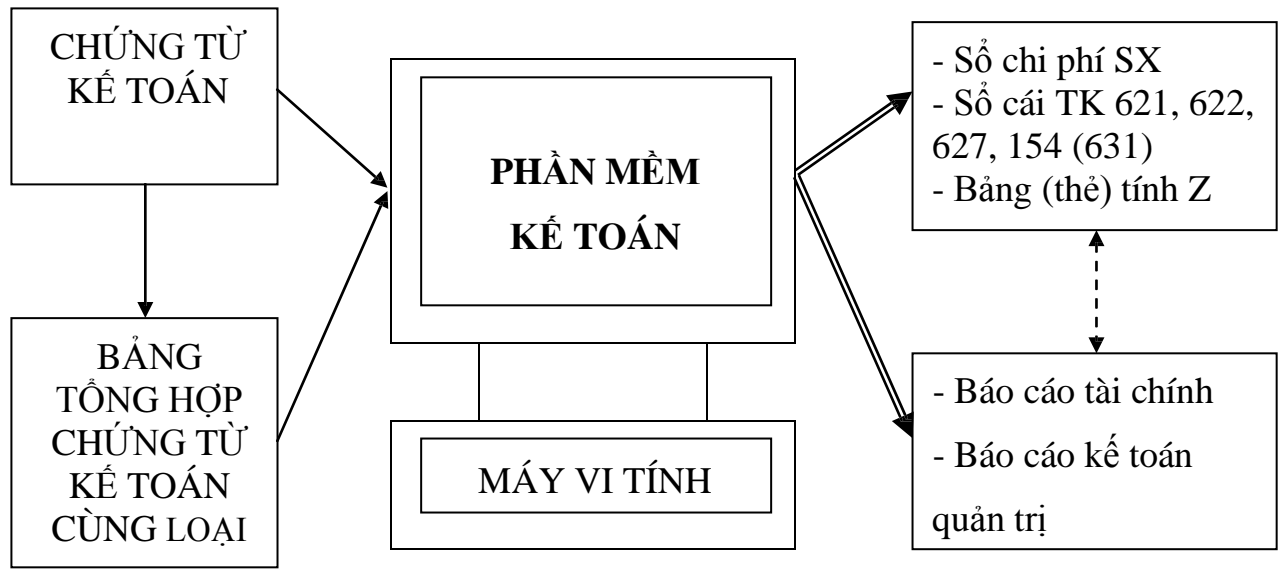


#### Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu

### 1.8.5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu

---

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HỒNG HÀ

### *2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà*

#### *2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty*

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HỒNG HÀ

Địa chỉ của doanh nghiệp: 212 Nguyễn Lương Bằng- Kiến An- Hải Phòng

Mã số thuế: 0203005140 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Điện thoại: 03018602762

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà được thành lập ngày 01/07/2003 do ba cổ đông góp vốn số vốn điều lệ là 10.200.000.000 đồng. Sau khi thành lập Công ty đã không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh phát huy tối đa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước. Tuy mới thành lập nhưng Công ty đã gặt hái được nhiều thành công và đang trên đà phát triển và hội nhập với nền kinh tế quốc dân.

#### *2.1.2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh*

- Xây dựng các loại: nhà dân dụng, cầu, đường....
- Khai thác đá, cát...
- Phá dỡ san lấp mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Bán buôn máy móc thiết bị
- Bán buôn sắt, thép
- Bán buôn gạch, ngói, cát đá,...
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Cho thuê máy móc, thiết bị

## 2.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật

**Biểu số 01: THIẾT BỊ THI CÔNG CỦA CÔNG TY**

Tên thiết bị (loại kiểu, nhãn hiệu)	Số lượng	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Thuộc sở hữu	Công suất hoạt động
Máy đào	4	1988-1995	Nhật	Công ty	3x100CV
Ô tô huyndai	4	2001	Hàn quốc	Công ty	18T
Ô tô KMAZ	4	1997	Hàn quốc	Công ty	12T
Ô tô IFA	4	1996	Nga	Công ty	5T
Máy ủi	4	1992	Đức	Công ty	100CV
Máy vận thăng	3	1999	Nhật	Công ty	800Kg
Cần cẩu thiếu nhi	4	2000	Nhật	Công ty	400Kg
Máy trộn bê tông	7	2000	Nga	Công ty	320Lít
Máy hàn điện	7	1999	T.Quốc	Công ty	0.5Kw
Máy bơm nước	14	2001	V.Nam	Công ty	1.2Kw
Máy kinh vĩ	5	2002	Nhật	Công ty	
Máy thủy bình	6	2002	Nhật	Công ty	
Ván khuôn thép	5000m <sup>2</sup>	2002	V.Nam	Công ty	
Giàn giáo thép	45bộ	1997	Hoà phát	Công ty	
Máy ca bào vụn năng	9	1999	V.Nam	Công ty	
Máy phát điện	4	1997	V.Nam	Công ty	
Máy ca vòng	2	2001	V.Nam	Công ty	
Máy nắn thép	7	2001	T.Quốc	Công ty	
Máy uốn thép	5	2001	V.Nam	Công ty	
Máy cắt thép	7	1999	V.Nam	Công ty	

## 2.1.4. Tình hình kinh tế tài chính, lao động tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

## \* Tình hình kinh tế tài chính

Một số chỉ tiêu chủ yếu của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà trong 2 năm 2010 - 2011:



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			58.189.755.664	58.044.031.561
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ			58.189.755.664	58.044.031.561
4. Giá vốn hàng bán			54.029.156.064	53.832.593.039
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			4.160.599.600	4.211.438.522
6. Doanh thu hoạt động tài chính			1.890.430.062	875.887.898
7. Chi phí tài chính			1.080.668.328	981.818.182
Trong đó: Chi phí lãi vay			1.080.668.328	981.818.182
8. Chi phí bán hàng				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp			2.360.940.242	2.377.308.542
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			2.609.933.333	2.336.815.587
11. Thu nhập khác				
12. Chi phí khác			6.487.759	40.492.955
13. Lợi nhuận khác			(6.487.759)	(40.492.955)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			2.602.933.333	2.336.815.587
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành			650.733.333	584.203.897
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế			1.952.200.000	1.752.611.690
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

**\* Tình hình lao động**

Cùng với sự phát triển của ngành xây dựng, xác định xây lắp là một công tác quan trọng mang tính chiến lược trong giai đoạn phát triển sắp tới, Công ty đã mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, củng cố sắp xếp lại bộ máy quản lý, đầu tư thêm nhân lực, máy móc thiết bị thi công. Đến nay Công ty đã có 02 đội xây lắp với đội ngũ kỹ sư được đào tạo chính quy tại các trường đại học, cao đẳng và một đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, với giá trị sản lượng xây lắp tương đối lớn.

**Biểu số 02: NGUỒN NHÂN LỰC CỦA CÔNG TY**

<b>TT</b>	<b>Loại cán bộ</b>	<b>Số lượng LĐ</b>
01	Kỹ sư >5 năm KN	05
02	Kỹ sư <5 năm KN	14
03	Cử nhân	05
04	Trung cấp kinh tế	04
05	Công nhân kỹ thuật	100

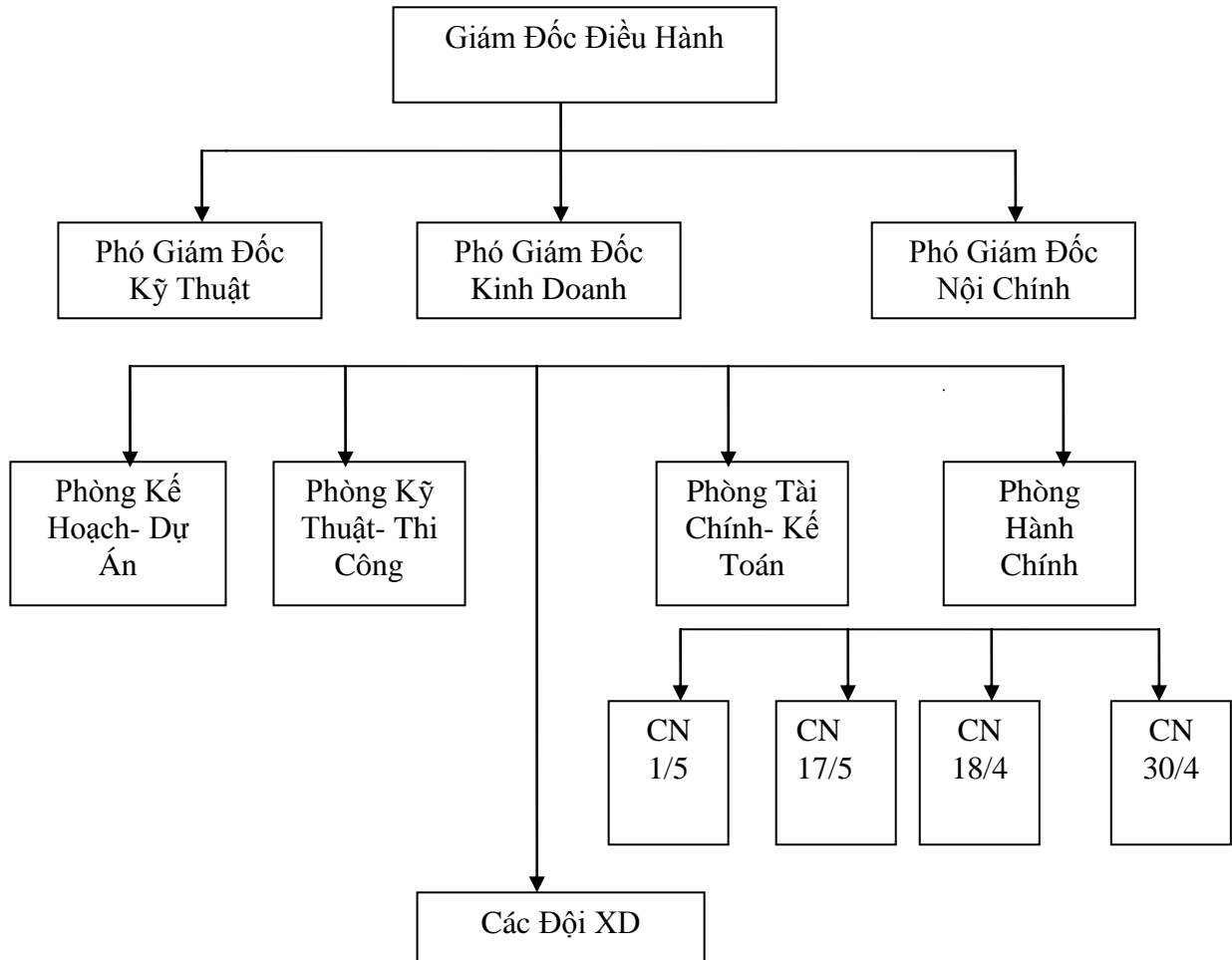
**Biểu số 03: LỰC LƯỢNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT**

<b>TT</b>	<b>Loại thợ</b>	<b>Số lượng Tổng</b>
1	Thợ nề	20
2	Thợ bê tông	6
3	Thợ mộc cốt pha	7
4	Thợ sắt xây dựng	10
5	Thợ sắt dân dụng	5
6	Thợ hàn	5
7	Thợ thi công đường	4
8	Thợ điện	4
9	Thợ sơn, trang trí nội thất	7
10	Thợ mộc dân dụng	8
11	Thợ sửa chữa máy xây dựng	3
12	Lái xe, lái máy	10
13	Thợ máy	5
14	Thợ khung nhôm	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>

## 2.2. Đặc điểm hoạt động tổ chức kinh doanh của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Để phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường, phù hợp với cán bộ công nhân viên quản lý, Công ty hoạt động theo mô hình trực tuyến – chức năng.

**Sơ đồ 2.1 : Bộ máy quản lý Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà**

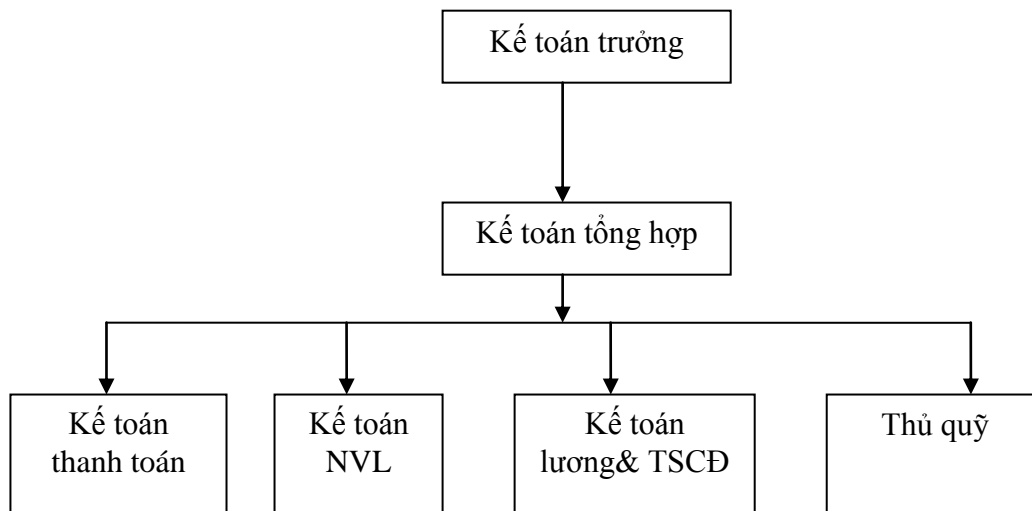


### 2.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán

#### 2.3.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo sự lãnh đạo và chỉ đạo tập trung thống nhất trực tiếp của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá cán bộ kế toán. Đồng thời căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, tổ chức bộ máy kế toán của Công ty được sắp xếp theo mô hình sau:

**Sơ đồ 2.2 : Bộ máy kế toán Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà**



#### # Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy kế toán :

√ *Kế toán trưởng* : Là người điều hành phòng kế toán, chỉ đạo thực hiện thống nhất công tác kế toán tại Công ty theo chế độ hiện hành do Nhà nước quy định. Đồng thời, kế toán trưởng có trách nhiệm cung cấp thông tin tài chính chính xác, kịp thời cho Giám đốc và ban lãnh đạo Công ty

√ *Kế toán tổng hợp*: Có nhiệm vụ giúp kế toán trưởng trong việc tạo lập các thông tin kinh tế, lập báo cáo định kỳ để có báo cáo lên ban giám đốc Công ty

√ *Kế toán nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ*: có nhiệm vụ tổng hợp chi tiết tình hình nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

√ *Kế toán Tài sản cố định*: Có nhiệm vụ hạch toán nguyên giá, tính toán và trích khấu hao Tài sản cố định, lập thủ tục và trình hội đồng giá Công ty về các công trình sửa chữa lớn, mua sắm tài sản cố định của Công ty.

√ *Kế toán lương và thanh toán nội bộ*: Có nhiệm vụ hạch toán tình hình thanh toán với cán bộ công nhân viên Công ty về tiền lương, tiền thưởng, các khoản trích theo lương theo chế độ tài chính hiện hành

√ *Thủ quỹ*: Có nhiệm vụ quản lý tiền mặt tại quỹ của Công ty. Các nghiệp vụ về rút tiền, nhập tiền vào quỹ đều phải có sự kiểm kê, kiểm nhận phải có dấu, chữ ký của thủ quỹ mới đảm bảo tính pháp lý .

### **2.3.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán**

\* Chế độ kế toán áp dụng ở Công ty

Công ty áp dụng quyết định 15/2006/QĐ/ BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006. Đây là chế độ kế toán không chỉ áp dụng ở Công ty mà còn cho tất cả các doanh nghiệp xây lắp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Công tác kế toán ở Công ty được áp dụng theo hình thức **nhật ký chung** kết hợp với việc sử lý số liệu trên máy tính, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

\* Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng:

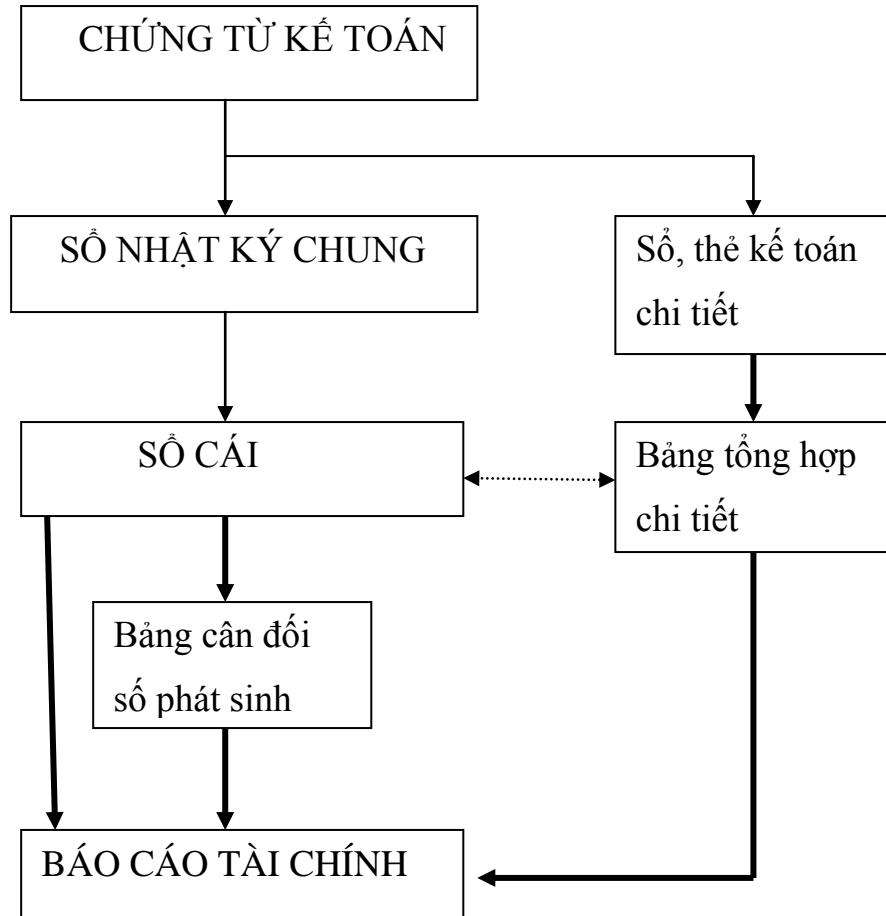
+ Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

+ Đơn vị tiền tệ sử dụng : Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ để công ty ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ phát sinh không phải bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Theo tỷ giá của Ngân hàng công thương tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

\*Kỳ kế toán: chia theo quy định của Bộ Tài Chính, cụ thể một niên độ kế toán được chia thành 4 kỳ kế toán, mỗi kỳ kế toán tương đương với một quý (mỗi quý 3 tháng).

\* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu kiểm tra

## **2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà.**

### **2.4.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất của Công ty**

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất của Công ty là từng công trình, hạng mục công trình theo đúng đơn đặt hàng, theo quy định của Nhà nước về tài chính, kế toán đồng thời phải đảm bảo thống nhất về kết cấu và nguyên tắc hạch toán doanh nghiệp của Công ty, qui định hiện hành của cơ chế tài chính, thuế và phù hợp với đặc điểm sản xuất, sản phẩm xây lắp, thỏa mãn yêu cầu quản lý đầu tư.

### **2.4.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty**

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tính chất sản xuất phức tạp, quy trình công nghệ liên tục, thời gian sản xuất kéo dài, hơn nữa sản phẩm mang tính đơn chiếc, riêng lẻ, ...Do đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của công ty là từng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí sản xuất xây lắp ở các doanh nghiệp gồm nhiều chi phí có nội dung, công dụng và đặc tính khác nhau. Xuất phát từ yêu cầu và góc độ nhìn nhận về chi phí sản xuất, việc phân loại chi phí được thực hiện theo nhiều tiêu thức khác nhau. Tuy nhiên, ở Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà, chi phí sản xuất xây lắp được phân loại theo công dụng, theo khoản mục, bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm chi phí về nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho sản xuất để cấu thành nên sản phẩm xây lắp trong kỳ sản xuất kinh doanh: cát, sỏi, xi măng, đất đồi, đá dăm, cống, nhựa đường, gạch lát, vôi, vữa, sắt thép, cấu kiện bê tông...

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền thưởng của công nhân trực tiếp xây lắp các công trình trong đó có cả công nhân thuộc danh sách công ty quản lý và cả công nhân thuê ngoài theo từng công việc.

- Chi phí sử dụng máy thi công: là các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc vận hành máy phục vụ cho xây lắp gồm: chi phí trích khấu hao máy thi công, lương công nhân điều khiển máy, chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu phục vụ máy thi công

- Chi phí sản xuất chung: bao gồm những chi phí phục vụ xây lắp của các đội, các xí nghiệp, chi phí nhân viên quản lý đội công trình và chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài

Các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung được tập hợp đầy đủ cho từng công trình. Chi phí sản xuất phát sinh ở công trình nào thì được hạch toán trực tiếp vào công trình đó. Kế toán theo dõi chi tiết từng khoản mục chi phí sản xuất cho từng công trình mà các đội đang thi công. Cuối tháng, kế toán sẽ tổng hợp các khoản mục chi phí này để làm cơ sở tiến hành lập bảng tổng hợp chi phí và biểu báo cáo giá thành (nếu như công trình hay hạng mục công trình đã hoàn thành).

#### ***2.4.3. Đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty***

Đối tượng để tính giá thành sản phẩm xây lắp ở Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà là công trình, hạng mục công trình. Chỉ tiêu giá thành ở Công ty được phân loại theo thời điểm tính nguồn giá thành, bao gồm ba loại giá thành:

- Giá thành dự toán: là chi phí dự toán để hoàn thành một khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định. Giá thành dự toán được xây dựng trên cơ sở định mức và khung giá áp dụng cho từng loại công trình

- Giá thành kế hoạch: là giá thành được xây dựng căn cứ vào điều kiện cụ thể của mỗi đội xây lắp: biện pháp thi công, định mức, đơn giá của từng đội.

- Giá thành thực tế: là toàn bộ chi phí thực tế mà Công ty và các đội xây lắp đã bỏ ra để hoàn thành khối lượng công trình xây lắp theo quy định

#### ***2.4.4. Phương pháp tính giá thành tại Công ty***

Giá thành công trình xây lắp là biểu hiện bằng tiền của các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà Công ty đã bỏ ra để hoàn thành một khối lượng công trình theo quy định. Tương ứng với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất chính là đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Tại phòng kế toán Công ty, với mỗi một công trình từ khi bắt đầu khởi công xây dựng cho đến khi hoàn thành, bàn giao, kế toán đều mở sổ chi tiết chi phí sản xuất để tập hợp chi phí phát sinh tại công trình, hạng mục công trình đó. Các sổ chi tiết được mở cho từng công trình, hạng mục công trình và theo dõi theo từng khoản



mục chi phí. Cuối tháng, từ các sổ chi tiết chi phí sản xuất, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất từ đó làm cơ sở cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp trong kỳ.

Công ty quy định thanh toán sản phẩm xây lắp theo điểm dừng kỹ thuật, cụ thể trong kỳ báo cáo có thể có một bộ phận công trình hay khối lượng công việc hoặc giai đoạn hoàn thành được thanh toán với chủ đầu tư. Khi đó giá thành khối lượng công tác xây lắp đã hoàn thành và bàn giao trong kỳ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành khối lượng} \\ \text{công tác xây lắp} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{xây lắp dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}$$

Thực tế tại Công ty, phương pháp hạch toán kế toán các công trình khác nhau lại tương tự nhau. Do vậy để khái quát công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty, trong phạm vi bài viết này, em xin trình bày minh họa quy trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành công trình: Xây dựng văn phòng làm việc Cát Bi.

#### ***2.4.4.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

***\* Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

- Chứng từ sử dụng: - Phiếu xin lĩnh vật tư  
- Phiếu xuất kho ( Mẫu biểu số 03)
- Tài khoản sử dụng: Để phản ánh CPNVLTT, kế toán sử dụng TK 621.  
Ngoài ra kế toán còn sử dụng các TK 152, TK 111, TK331
- Sổ sách sử dụng: - Sổ nhật ký chung  
- Sổ cái TK 621  
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621  
- Sổ khác có liên quan

***\* Nội dung và phương pháp tính***

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm giá thực tế của toàn bộ vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, bộ phận rời lẻ (trừ vật liệu dùng cho máy thi công) dùng cho việc xây dựng, lắp đặt các công trình. Vật liệu sử dụng cho công trình, hạng mục công trình nào thì tính trực tiếp cho công trình đó. Đây là loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 70% - 80% giá thành công trình xây dựng.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được hạch toán trực tiếp vào từng đối tượng sử dụng (công trình, hạng mục công trình) theo giá trị thực tế của loại vật liệu đó. Tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà, tất cả nguyên vật liệu mua về được xuất ngay cho công trình xây dựng theo giá hạch toán và khi hoàn thành hạng mục công trình kế toán tính giá xuất theo giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và tiến hành điều chỉnh tăng giảm giá trị vật liệu xuất dùng cho hạng mục đó.

Kế toán hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Do đó, việc hạch toán chính xác, đầy đủ khoản chi phí này là yêu cầu đặt ra cho kế toán nhằm cung cấp kịp thời thông tin cho quản lý, từ đó đưa ra các biện pháp tiết kiệm nguyên vật liệu trong quá trình thi công để góp phần hạ giá thành mà chất lượng công trình vẫn được đảm bảo.

Trình tự hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Khi các đội có nhu cầu sử dụng vật tư, tổ trưởng tổ thi công sẽ lập phiếu xin lĩnh vật tư và gửi lên Công ty. Người phụ trách công trình cùng kế toán đội xây lắp lập phiếu xuất kho. Tổ trưởng tổ thi công sẽ đem phiếu này đến thủ kho để lĩnh vật tư. Thủ kho ghi số lượng thực xuất và cùng người lĩnh vật tư ký vào phiếu. Kế toán tập hợp phiếu xuất kho sau khi tính đơn giá xuất và ghi số tiền vào phiếu. Phiếu xuất kho được lập thành ba liên: liên 1 lưu ở bộ phận lập phiếu, liên 2 do thủ kho giữ để ghi thẻ kho và chuyển lên cho kế toán ghi đơn giá và thành tiền, liên 3 do người nhận vật tư giữ để ghi sổ ở bộ phận sử dụng.

Dưới đây xin trích 1 phiếu xin lĩnh vật tư và phiếu xuất kho tháng 12 năm 2011.

**PHIẾU XIN LĨNH VẬT TƯ**

*Ngày 12 tháng 12 năm 2011*

Họ tên: Nguyễn Văn Thắng

Lý do xin xuất kho: Thi công công trình Cát Bi

<b>STT</b>	<b>Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (Sản phẩm, hàng hoá)</b>	<b>Mã số</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
A	B	C	D	E
1	Thép hình		Kg	4.000
2	Thép tròn D6		Kg	7.000
	<b>Cộng</b>			<b>11.000</b>

**Tổ trưởng tổ thi công**

*( Ký tên)*

*Nguyễn Văn Thủy*

**Kế toán trưởng**

*( Ký tên)*

*Nguyễn Thị Ngân*

**Trưởng phòng kỹ thuật**

*( Ký tên)*

*Nguyễn Văn Quang*

Khi các đội, có nhu cầu sử dụng vật tư, tổ trưởng tổ thi công sẽ lập phiếu xin lĩnh vật tư và gửi lên Công ty. Người phụ trách công trình cùng kế toán lập phiếu xuất kho.

**Biểu số 05**

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng- Kiến An- Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO.**

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Số: 245

Họ và tên người xuất hàng: Ng. Văn Thắng

Nợ TK: 621

Lý do xuất kho: Thi công công trình Cát Bi

Có TK : 152

Xuất tại kho: Công trình Cát Bi

STT	Tên nhãn hiệu qui cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép hình		Kg	4.000	4.000	18.600	74.400.000
2	Thép tròn D6		Kg	7.000	7.000	18.800	131.600.000
	<b>Cộng</b>				<b>11.000</b>		<b>206,000,000</b>

Phụ trách bộ phận sử dụng

Phụ trách cung tiêu

Người nhận

Thủ kho

(Ký tên)

(Ký tên)

(Ký tên)

(Ký tên)

Vũ Văn Lĩnh

Nguyễn Hữu Chiến

Nguyễn Văn Thủy

Lê Thị Vân

Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ ...kế toán vào sổ nhật ký chung.

**Biểu số 06**

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Mẫu số: S03a-DNN

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng- Kiến An- Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
12/12	PX215	12/12	Xuất thép cho công trình Cát Bi	621	206.000.000	
				152		206.000.000
			.....			
15/12	HĐ2661	15/12	Chi phí thuê máy thi công	623	12.700.000	
				133	1.270.000	
				331		13.970.000
15/12		15/12	Chi phí vật tư chạy máy	623	3.557.800	
				152		3.557.800
31/12	KH12	31/12	Chi phí khấu hao	627	697.253	
				214		697.253
31/12		31/12	Tiền lương tháng 12 CT Cát Bi	622	41.500.000	
				623	14.250.000	
				627	14.667.000	
				334		70.417.000
31/12		31/12	Chi phí mua ngoài tháng 12	627	9.214.514	
				133	460.726	
				111		9.675.240
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí CT Cát Bi	154	1.334.769.069	
				621		1.099.748.440
				622		120.400.000
				623		71.850.000
				627		42.770.629
			<b>Cộng lũy kế cuối tháng 12</b>		<b>55.904.800.500</b>	<b>55.904.800.500</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sau khi kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các hóa đơn, chứng từ kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621.

**Biểu số 07**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tên sản phẩm: Công trình Cát Bi

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			.....			
12/12	PX215	12/12	Xuất thép cho công trình	152	206.000.000	
			.....			
18/12	PX520	18/12	Xuất gạch dùng cho công trình	152	40.000.000	
19/12	PX532	19/12	Mua cát chuyển thẳng đến công trình	111	15.260.000	
			.....		.....	
31/12		31/12	Kết chuyển CPNVLTT vào giá thành CT Cát Bi	154		1.009.748.440
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.099.748.440</b>	<b>1.099.748.440</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành vào sổ cái TK 621 và sổ cái các TK có liên quan.

**Biểu số 08**

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng-Kiến An-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*Quý IV năm 2011*

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
			.....			
12/12	PX215	12/12	Xuất thép cho công trình	152	206.000.000	
18/12	PX520	18/12	Xuất gạch dùng cho công trình	152	40.000.000	
			.....			
31/12		31/12	Chi phí NVLTT CT Tôn Đức Thắng	152	2.130.791.560	
			.....		.....	.....
31/12		31/12	Kết chuyển CPNVLTT vào giá thành CT Cát Bi	154		1.099.748.400
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>8.230.540.000</b>	<b>8.230.540.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.4.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

*\* Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp*

- Chứng từ sử dụng: - Bảng chấm công  
- Bảng thanh toán lương  
- Bảng tổng hợp lương  
- Hợp đồng lao động
- Tài khoản sử dụng: TK 622 chi phí nhân công trực tiếp
- Sổ sách sử dụng: - Sổ nhật ký chung  
- Sổ cái TK 622  
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622

*\* Nội dung và phương pháp tính*

Chi phí nhân công trực tiếp là một bộ phận quan trọng cấu thành nên giá thành sản phẩm, phản ánh số tiền lương, tiền công trả cho lao động thuộc danh sách do công ty quản lý và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc cụ thể, chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình.

Tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà, trong điều kiện máy móc thiết bị chưa được đồng bộ hoá phục vụ cho thi công, chi phí nhân công trực tiếp vẫn chiếm một tỷ lệ khoảng 10% đến 20% giá thành công trình. Do vậy việc hạch toán đầy đủ và chính xác chi phí nhân công trực tiếp có ý nghĩa quan trọng trong việc tính toán hợp lý, chính xác giá thành công trình xây dựng. Bên cạnh đó, nó còn có ý nghĩa lớn đối với việc tính và thanh toán tiền lương kịp thời, thoả đáng cho người lao động từ đó góp phần khuyến khích, động viên họ hăng say làm việc, đóng góp hết sức mình xây dựng Công ty ngày một phát triển.

Hình thức trả lương cho lao động trực tiếp mà doanh nghiệp áp dụng là giao khoán từng khối lượng công trình hoàn thành và khoán gọn công việc. Theo quy định chỉ sản phẩm hoàn toàn đáp ứng đủ yêu cầu chất lượng sau khi kiểm nghiệm, không kể sản phẩm dở dang mới được tính trả lương.



Đối với công việc giao khoán cho các đội sản xuất thì cơ sở tính lương cho người lao động hàng tháng là các bảng chấm công và hợp đồng lao động. Trên hợp đồng lao động phải ghi rõ họ tên người nhận khoán, đơn giá một ngày công...

Khi công việc hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu bàn giao công việc với sự có mặt của giám sát kỹ thuật, đội trưởng và người nhận khoán. Trong quá trình thi công, đội trưởng theo dõi số ngày làm việc trong tháng của từng công nhân và ghi vào bảng chấm công để làm căn cứ tính tiền lương khoán cho cả tổ.

Công ty không tiến hành trích các khoản trích theo lương đối với công nhân trực tiếp thi công công trình, hạng mục công trình.

Căn cứ vào chứng từ gốc như bảng chấm công, hợp đồng giao khoán, bảng thanh toán lương... kế toán tiến hành ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung và sổ chi tiết TK 622. Sau đó từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 622.

Dưới đây xin trích bảng chấm công, bảng thanh toán lương tháng 12 công nhân trực tiếp thi công công trình Cát Bi. Trong giai đoạn thi công hàng ngày đại diện công ty tiến hành chấm công cho công nhân thi công.

**Biểu số 9: Trích bảng chấm công cho công nhân****BẢNG CHẤM CÔNG**

ST T	Họ và tên	Ngày						Tổng
		1	2	3	...	31		
1	Nguyễn Văn Minh	+	+	+	...	+	29	
2	Nguyễn Văn Bình	+	P	+	...	+	28	
3	Trần Đức Hiếu	+	+	+	...	+	28	
4	Nguyễn Văn Tuấn	+	P	+	...	+	25	
5	Hoàng Văn Thứ	+	+	+	...	+	26	
6	Vũ Văn Linh	+	+	Ô	...	+	28	
7	.....							

Ghi chú: - ngày công: +  
 - nghỉ ốm: Ô  
 - Nghỉ phép: P

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 10: Trích bảng thanh toán lương cho công nhân****BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**

Công trình: Cát Bi

Tháng 12

STT	Họ và tên	Đơn giá	Tổng số công	Thành tiền	Ký nhận
1	Nguyễn Văn Minh	150.000	29	4.350.000	
2	Nguyễn Văn Bình	120.000	28	3.360.000	
3	Trần Đức Hiếu	120.000	28	3.360.000	
4	Nguyễn Văn Tuấn	100.000	25	2.500.000	
5	Hoàng Văn Thù	100.000	26	2.600.000	
6	Vũ Văn Lĩnh	100.000	28	2.800.000	
7	.....				
	<b>Tổng</b>			<b>41.500.000</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ trách công trình**

(Ký tên)

Nguyễn Văn Thủy

**Người lập bảng**

(Ký tên)

Nguyễn Thị Hoa

**Kế toán trưởng**

(Ký tên)

Nguyễn Thị Ngân

**Giám đốc**

(Ký tên)

Phạm Hồng Hà

Trên cơ sở bảng thanh toán lương của từng bộ phận kế toán lập bảng tổng hợp lương công trình Cát Bi.

**Biểu số 11:**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG**

*Tháng 12 năm 2011*

Công trình: Cát Bi

<b>STT</b>	<b>Loại chi phí</b>	<b>Số tiền</b>
1	Tiền lương nhân công trực tiếp	41.500.000
2	Tiền lương bộ phận sử dụng máy thi công	14.250.000
3	Tiền lương bộ phận sản xuất chung	14.667.000
	<b>Cộng</b>	<b>70.417.000</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Căn cứ vào bảng thanh toán lương,... kế toán vào sổ nhật ký chung trang 61.

Đồng thời vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622.

**Biểu số 12**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 622- Chi phí nhân công trực tiếp

Tên sản phẩm: Công trình Cát Bi

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
31/10		31/10	Lương CNTTSX	334	39.500.000	
30/11		30/11	Lương CNTTSX	334	39.000.000	
31/12		31/12	Lương CNTTSX	334	41.500.000	
31/12		31/12	Kết chuyển CPNCTTSX vào giá thành CT Cát Bi	154		120.400.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>120.400.000</b>	<b>120.400.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán tiến hành vào sổ cái TK 622.

**Biểu số 13**

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng-Kiến An-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*Quý IV năm 2011*

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
			.....			
31/10		31/10	Lương CNTT SX	334	39.500.000	
30/11		30/11	Lương CNTT SX	334	39.000.000	
31/12		31/12	Lương CNTT SX	334	41.500.000	
31/12		31/12	Kết chuyển CPCNTT vào giá thành CT Cát Bi	154		120.400.000
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>2.330.157.600</b>	<b>2.330.157.600</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**2.4.4.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công**

\* Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công

- Chứng từ sử dụng: - Hợp đồng thuê máy  
- Bảng kê chi tiết máy thi công  
- Bảng tổng hợp chi phí máy thi công
- Tài khoản sử dụng: TK 623 chi phí sử dụng máy thi công
- Sổ sách sử dụng: - Sổ nhật ký chung  
- Sổ cái TK 623  
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 623

\* Nội dung và phương pháp tính

Khoản mục chi phí sử dụng máy thi công được sử dụng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình.. Công ty các hoạt động xây dựng cơ bản đều được tiến hành theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy. Chính vì vậy Công ty sử dụng tài khoản 623- Chi phí sử dụng máy thi công để hạch toán chi phí máy.

Việc quản lý điều động xe, máy thi công cho từng công trình sẽ do Công ty đảm nhiệm. Căn cứ vào kế hoạch và tiến độ thi công thực tế ở các công trình, văn phòng công ty sẽ cử cán bộ kỹ thuật công trình chủ động trang bị máy móc thi công (có thể mua hoặc thuê ngoài). Một số máy chuyên dùng được sử dụng ở Công ty là: máy lu, máy ủi, máy san nền, cần cẩu, máy đầm bánh lốp và các máy chuyên dụng khác. Căn cứ vào tình hình tài chính của Công ty cũng như mức độ cần thiết và sử dụng thường xuyên của máy móc mà công ty sẽ có kế hoạch mua hay thuê ngoài để đảm yêu cầu thi công của các công trình.

*\* Trường hợp Công ty sử dụng máy thi công thuê ngoài*

Khi có nhu cầu sử dụng máy thi công, Công ty sẽ cử cán bộ kỹ thuật đi ký “Hợp đồng thuê máy” với các xí nghiệp cơ giới. Căn cứ vào hợp đồng thuê máy thi công, các xí nghiệp cơ giới sẽ bố trí máy thi công và nhân lực điều khiển máy thi công cho công trình đó. Hàng tháng công ty cử cán bộ cùng đội trưởng công trình

đến kiểm tra và nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và tiến hành thanh toán với bên cho thuê như hợp đồng đã ký kết đồng thời lập biên bản thanh toán khối lượng công việc hoàn thành trong tháng.

Định kỳ, căn cứ vào các chứng từ thu thập được, kế toán tiến hành tính toán các khoản chi phí thuê máy phục vụ cho từng công trình và lập bảng phân bổ chi phí máy thuê ngoài



Dưới đây xin trích bảng kê chi tiết máy thi công thuê ngoài phục vụ thi công công trình Cát Bi.

**Biểu số 14**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**BẢNG KÊ CHI TIẾT MÁY THI CÔNG THUÊ NGOÀI**

*Ngày 15/12/2011*

Công trình: Cát Bi

Họ tên người thuê: Nguyễn Thanh Bình

Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình

STT	Chứng từ		Nội dung	Đơn vị	Số	Đơn giá	Giá chưa thuế
	SH	NT					
1	HD 2657	06/12	Máy xúc	Ca	3	1.400.000	4.200.000
2	HD 2659	7/12	Máy ép cọc	M3	120	30.000.000	3.600.000
3	HD2660	13/12	Máy trộn bê tông	Ca	25	180.000	4.500.000
4	HD2661	13/12	Máy đầm	Ca	5	80.000	400.000
			<b>Cộng</b>				<b>12.700.000</b>

*Ngày 15 tháng 12 năm 2011.*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Định kỳ, kế toán sẽ gửi các chứng từ liên quan lên phòng Tài chính- Kế toán Công ty, tại đây, kế toán tổng hợp sẽ tiến hành lập bảng tổng hợp chi phí máy thi công trong tháng.

**Biểu số 15**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ MÁY THI CÔNG**

*Tháng 12 năm 2011*

Công trình: Cát Bi

<b>STT</b>	<b>Loại chi phí</b>	<b>Số tiền</b>
1	Tiền lương bộ phận SDMTC	14.250.000
2	Chi phí vật tư chạy máy	3.557.800
3	Chi phí thuê máy thi công	12.700.000
	<b>Cộng</b>	<b>30.507.800</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Căn cứ các hóa đơn, chứng từ kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 623.

**Biểu số 16**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 623: Chi phí sử dụng máy thi công

Công trình: Cát Bi

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
			.....			
06/12	HD2657	06/12	Chi phí thuê máy xúc	331	4.200.000	
07/12	HD 2659	07/12	Chi phí thuê máy ép cọc	331	3.600.000	
13/12	HD2660	13/12	Chi phí thuê máy trộn bê tông	331	4.500.000	
13/12	HD 2661	13/12	Chi phí thuê máy đầm	331	400.000	
15/12		15/12	Chi phí vật tư chạy máy	152	3.557.800	
			.....			
31/12		31/12	Tiền lương bộ phận SDMTC	334	14.250.000	
			Kết chuyển CPSDMTC vào giá thành CT Cát Bi			71.850.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>71.850.000</b>	<b>71.850.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ sổ nhật ký chung trang 61 kế toán vào sổ cái TK 623.

**Biểu số 17**

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng-Kiến An-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*Quý IV năm 2011*

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Số hiệu: 623

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
			.....			
06/12	HD2657	06/12	Chi phí thuê máy xúc	331	4.200.000	
07/12	HD2659	07/12	Chi phí thuê máy ép cọc	331	3.600.000	
13/12	HD2660	13/12	Chi phí thuê máy trộn bê tông	331	4.500.000	
13/12	HD2661	13/12	Chi phí thuê máy đầm	331	400.000	
15/12		15/12	Chi phí vật tư chạy máy	152	3.557.800	
			.....			
31/12		31/12	Tiền lương bộ phận SDMTC	334	14.250.000	
31/12		31/12	Kết chuyển CPSDMTC vào giá thành CT Cát Bi	154		71.850.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>2.220.158.000</b>	<b>2.220.158.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**2.4.4.4. Kế toán chi phí sản xuất chung.**

\* Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí sản xuất chung

- Chứng từ sử dụng: - Bảng thanh toán lương  
- Bảng kê chi phí dịch vụ mua ngoài  
- Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung
- Tài khoản sử dụng: TK 627 chi phí sản xuất chung
- Sổ sách sử dụng: - Sổ nhật ký chung  
- Sổ cái TK 627  
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627

\* Nội dung và phương pháp tính

Chi phí sản xuất chung là các khoản chi có tính chất phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong phạm vi tổ, đội sản xuất. Việc tập hợp chi phí sản xuất chung một cách chính xác là nền tảng quan trọng để tính đúng giá thành sản phẩm và giúp cho công tác quản lý được thuận tiện hơn.

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà chi phí sản xuất chung bao gồm các yếu tố sau:

- Chi phí nhân viên quản lý đội xây dựng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Chi phí sản xuất chung phát sinh ở công trình nào thì tập hợp vào công trình đó. Việc hạch toán ghi sổ được triển khai cụ thể như sau:

**- Chi phí nhân viên quản lý đội xây dựng**

Tương tự như công nhân trực tiếp sản xuất, đối với nhân viên quản lý đội xây dựng, công ty cũng áp dụng hình thức trả lương theo thời gian. Hàng tháng, chủ nhiệm công trình theo dõi thời gian lao động của từng nhân viên quản lý trên bảng chấm công. Định kỳ, chủ nhiệm công trình nộp bảng chấm công lên bộ phận kế toán để căn cứ vào đó kế toán tính tiền lương cho từng nhân viên. Cuối tháng,

căn cứ vào các chứng từ thu thập được, kế toán tiến hành lập bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp tiền lương đồng thời vào sổ chi tiết tài khoản 627- Chi phí sản xuất chung

Dưới đây xin trích bảng thanh toán lương bộ phận sản xuất chung thi công công trình Cát Bi.

**Biểu số 18:**

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Mẫu số: 02-LĐTL

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng-Kiến An-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG BỘ PHẬN SẢN XUẤT CHUNG**

*Tháng 12*

Đơn vị: Đội 2- Công trình: Cát Bi

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày công	Tiền lương	Khấu trừ(8,5)	Số tiền thực lĩnh	Ký nhận
1	Nguyễn Văn Thủy	ĐT	27	4.000.000	340.000	3.660.000	
2	Nguyễn Hữu Chiến	Kỹ thuật	24	3.556.000	303.260	3.252.700	
3	Lương Văn Hải	Kỹ thuật	25	3.704.000	314.840	3.389.000	
4	Trần Văn Sao	Kỹ thuật	23	3.407.000	289.595	3.117.000	
	<b>Cộng</b>			<b>14.667.000</b>	<b>1.246.695</b>	<b>13.418.000</b>	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Phụ trách công trình**

( Ký tên)

*Nguyễn Văn Thủy*

**Người lập bảng**

( Ký tên)

*Nguyễn Thị Hoa*

**Kế toán trưởng**

( Ký tên)

*Nguyễn Thị Ngân*

**Giám đốc**

( Ký tên)

*Phạm Hồng Hà*

**- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác**

Các chi phí dịch vụ được hạch toán vào khoản mục này bao gồm: tiền điện thoại, tiền điện, tiền nước, tiền thuê máy,... phục vụ cho thi công công trình.

Cuối tháng, căn cứ vào các chứng từ thu thập được như hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng, hợp đồng thuê máy, phiếu chi... kế toán tiến hành lập bảng kê chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền.

Xin trích bảng kê chi phí dịch vụ mua ngoài tháng 12 phục vụ thi công công trình Cát Bi.

**Biểu số 19**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**BẢNG KÊ CHI PHÍ DỊCH VỤ MUA NGOÀI**

Đơn vị: Đội 2 – Công trình Cát Bi

*Tháng 12 năm 2011*

<b>STT</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Điện phục vụ công trường	2.871.245	
2	Tiền nước cho thi công	867.904	
3	Điện thoại	1.576.890	
4	Văn phòng phẩm	489.561	
	.....	.....	
	<b>Cộng</b>	<b>9.675.240</b>	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011.*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*



Định kỳ, kế toán sẽ gửi các chứng từ liên quan lên phòng Tài chính- Kế toán. Tại đây, kế toán tổng hợp sẽ tiến hành lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung.

**Biểu số 20**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG**

*Tháng 12 năm 2011*

Công trình: Cát Bi

<b>STT</b>	<b>Loại chi phí</b>	<b>Số tiền</b>
1	Tiền lương bộ phận sản xuất chung	14.667.000
2	Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.675.240
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	697.253
	<b>Cộng</b>	<b>25.039.493</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Đồng thời kế toán vào sổ nhật ký chung trang 61, sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627.

**Biểu số 21**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 627: Chi phí sản xuất chung

Công trình: Cát Bi

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			.....			
31/12		31/12	Chi phí khấu hao	214	697.253	
			Tiền lương bộ phận SXC	334	14.667.000	
			Chi phí mua ngoài tháng 12	111	9.675.240	
			.....			
31/12			Kết chuyển CPSXC vào giá thành CT Cát Bi	154		67.572.553
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>67.572.553</b>	<b>67.572.553</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung trang 61 kế toán vào sổ cái TK 627.

**Biểu số 22**

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng-Kiến An-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*Quý IV năm 2011*

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			.....			
31/12	KH12	31/12	Chi phí khấu hao	214	697.253	
31/12		31/12	Tiền lương bộ phận SXC	334	14.667.000	
31/12		31/12	Chi phí mua ngoài	111	9.675.240	
			.....			
			Kết chuyển CPSXC công trình Cát Bi	154		67.572.553
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.050.324.200</b>	<b>1.050.324.200</b>
			Số dư cuối kỳ			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**2.4.5. Hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.**

\* Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để tổng hợp chi phí sản xuất

- Chứng từ sử dụng: - Bảng tính giá thành
- Tài khoản sử dụng: TK 154 chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Sổ sách sử dụng: - Sổ nhật ký chung  
- Sổ cái TK 154  
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154

\*Kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang

Thông thường cuối mỗi quý không phải công trình nào cũng bắt buộc phải hoàn thành bàn giao mà nhiều khi do tính chất công việc phức tạp đòi hỏi thời gian kéo dài nên vẫn còn có những công trình dở dang chưa hoàn thành. Toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong quý liên quan tới cả sản phẩm hoàn thành và sản phẩm không hoàn thành. Chính vì thế để tính được chính xác giá thành công trình hoàn thành đòi hỏi kế toán phải đánh giá hợp lý giá trị của những công trình, hạng mục công trình còn dở dang.

Định kỳ, đại diện phòng kỹ thuật cùng với nhân viên giám sát kỹ thuật công trình tiến hành nghiệm thu, đánh giá chất lượng ngay tại công trình và lập biên bản nghiệm thu ghi rõ khối lượng sản phẩm dở dang thuộc đối tượng xây lắp nào, mức độ hoàn thành đến đâu. Căn cứ vào biên bản này, phòng kế toán sẽ thực hiện tính toán, xác nhận chi phí thực tế của khối lượng công trình dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{l}
 \text{Giá trị thực tế} \\
 \text{khối lượng xây lắp} \\
 \text{dở dang đầu kỳ} \\
 \text{khối lượng xây lắp} \\
 \text{dở dang cuối kỳ}
 \end{array}
 = \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{khối lượng xây lắp} \\
 \text{dở dang đầu kỳ}
 \end{array}
 + \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị thực tế} \\
 \text{khối lượng xây lắp} \\
 \text{phát sinh trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị dự toán} \\
 \text{khối lượng xây lắp} \\
 \text{dở dang đầu kỳ}
 \end{array}
 + \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị dự toán} \\
 \text{khối lượng xây lắp} \\
 \text{phát sinh trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị dự} \\
 \text{toán} \\
 \text{khối} \\
 \text{lượng xây lắp} \\
 \text{dở dang cuối kỳ}
 \end{array}
 }
 \times \text{toán khối}$$

Giá trị thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ sẽ được phản ánh vào bảng tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành trong quý của công ty theo từng công trình, hạng mục công trình, để từ đó tính giá trị sản phẩm xây lắp hoàn thành trong kỳ. Sau đó kế toán sẽ lập bảng kê chi phí dở dang cuối quý.

**\* Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

***- Tổng hợp chi phí sản xuất***

Sau khi hạch toán chi tiết từng khoản mục chi phí xây lắp, kế toán bắt đầu tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất làm cơ sở cho việc tính giá thành công trình hay hạng mục công trình hoàn thành. Ở công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà toàn bộ chi phí xây lắp phát sinh trong kỳ đều được kết chuyển sang TK154-Chi phí sản xuất toàn kinh doanh dở dang.

***- Tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà***

Phân tính giá thành sản phẩm xây lắp do kế toán tổng hợp thực hiện. Đây là một phần hành kế toán có phạm vi theo dõi rất rộng bởi nó đòi hỏi kế toán viên phải tập hợp được đầy đủ các khoản chi phí để có thể tính được giá thành một cách chính xác. Các khoản mục chi phí tính giá thành bao gồm:

- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- + Chi phí nhân công trực tiếp
- + Chi phí sử dụng máy thi công
- + Chi phí sản xuất chung

Tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà đối tượng để tính giá thành là công trình, hạng mục công trình do đó toàn bộ chi phí sản xuất liên quan đến công trình nào thì được tập hợp cho công trình đó. Việc xác định giá thành sản phẩm một cách đầy đủ, chính xác sẽ góp phần cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý. Muốn vậy, ngoài việc xác định đúng đối tượng và các khoản mục chi phí tính giá thành thì mỗi Công ty cần phải có một phương pháp tính giá thành đúng đắn, nhất quán phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mình.

Với đặc điểm là một doanh nghiệp kinh doanh xây lắp, Công ty đã sử dụng phương pháp **tính giá thành gián đơn** để xác định giá thành cho từng công trình, hạng mục công trình. Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm xây lắp trong kỳ được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành khối} & & \text{Giá trị sản} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng xây lắp hoàn} & = & \text{phẩm dở dang} & + & \text{phát sinh trong} & - & \text{phẩm dở dang} \\ \text{thành} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Định kỳ, từ các sổ chi tiết được mở riêng cho từng khoản mục chi phí, kế toán tiến hành mở sổ (thẻ) hạch toán chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí, cụ thể là theo từng công trình, hạng mục công trình.

**Biểu số 23**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH**

*Quý IV năm 2011*

Công trình: Cát Bi

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Giá trị</b>
I	Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ	450.900.200
II	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	1.359.570.993
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.099.748.440
2	Chi phí nhân công trực tiếp	120.400.000
3	Chi phí máy thi công	71.850.000
4	Chi phí sản xuất chung	67.572.553
III	Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	289.163808
IV	Giá thành hạng mục công trình (I + II – III)	1.521.307.385

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Căn cứ vào bảng tính giá thành,...kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung và sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154.

**Biểu số 24**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng – Kiến An – Hải Phòng

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Công trình: Cát Bi

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1/10		1/10	Số dư đầu kỳ		<b><u>450.900.200</u></b>	
			Số phát sinh			
31/12		31/12	Chi phí NVLTT	621	1.099.748.440	
31/12		31/12	Chi phí NCTT	622	120.400.000	
31/12		31/12	Chi phí SDMTC	623	71.850.000	
31/12		31/12	Chi phí SXC	627	67.572.553	
31/12		31/12	Bàn giao hạng mục công trình			1.521.307.385
			Cộng số phát sinh		<b>1.359.570.993</b>	<b>1.521.307.385</b>
			Số dư cuối kỳ		<b><u>289.163808</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vào cuối mỗi quý, từ các sổ chi tiết được mở riêng cho từng khoản mục chi phí và nhật ký chung kế toán đồng thời vào sổ cái TK154.

**Biểu số 25**

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: 212 Nguyễn Lương Bằng-Kiến An-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*Quý IV năm 2011*

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b><u>980.250.000</u></b>	
			<b>Số phát sinh</b>			
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí NVLTT	621	8.230.540.000	
			Kết chuyển chi phí NCTT	622	2.330.157.600	
			Kết chuyển chi phí SDMTC	623	2.220.158.000	
			Kết chuyển chi phí SXC	627	1.050.324.200	
			Bàn giao hạng mục công trình Cát Bi	632		1.521.307.385
			Bàn giao công trình Tôn Đức Thắng	632		3.000.211.000
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b><u>13.831.179.800</u></b>	<b><u>11.960.977.000</u></b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b><u>2.850.452.800</u></b>	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**CHƯƠNG 3**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HỒNG HÀ**

***3.1. Những nhận xét, đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà***

Trong những năm gần đây đất nước ta đã có những bước phát triển đáng kể về nền kinh tế, xu thế hội nhập nền kinh tế quốc tế ngày càng mạnh mẽ, thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, các khu công nghiệp ngày càng được mở rộng. Do đó nhu cầu về xây lắp tăng cao đã tạo ra nhiều cơ hội mở rộng thị trường tiềm năng cho ngành xây lắp. Tuy nhiên nó cũng tạo ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp để giành thắng lợi trong công tác đấu thầu công trình xây dựng. Công ty từ khi ra đời đến nay đã từng bước đi lên và khẳng định được chỗ đứng của mình trên thị trường ngày càng lớn mạnh trên cả quy mô và chất lượng sản xuất.

Trong những năm qua, đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường, Công ty đã không ngừng phấn đấu tìm tòi, sáng tạo, tiếp cận thị trường, mở rộng thị trường, thu hút khách hàng. Nhờ vậy Công ty không ngừng phát triển, sản xuất ổn định thực hiện nghĩa vụ với Nhà Nước và không ngừng nâng cao đời sống cán bộ nhân viên công ty. Bên cạnh đó Công ty còn có những chính sách lương bổng, đãi ngộ nhân viên một cách thỏa đáng, luôn quan tâm đến lợi ích của người lao động vì thế đã khính lệ tinh thần làm việc hăng say, sáng tạo, nhiệt tình và có trách nhiệm cao.

Trong quá trình phát triển của mình, Công ty đã thể hiện những ưu, nhược điểm sau:

***3.1.1. Ưu điểm.***

- Về tổ chức quản lý: Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý và hạch toán khoa học hợp lý, có hiệu quả, phù hợp với nền kinh tế thị trường. Với mô hình

quản lý đó Công ty đã chủ động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo được uy tín với đối tác.

- Về tổ chức sản xuất: Bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty gọn nhẹ và năng động. Các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả giúp ban lãnh đạo công ty thuận tiện trong việc quản lý điều hành.

Đặc biệt công tác kế toán có nhiều ưu điểm nổi bật đó là:

- Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ với đội ngũ nhân viên có năng lực, nhiệt tình công tác được bố trí hợp lý phù hợp với trình độ cũng như khả năng của mỗi người nên đã phát huy khả năng cá nhân góp phần đắc lực cho công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính của Công ty.

- Hệ thống chứng từ ban đầu của Công ty được tổ chức hợp pháp, hợp lệ đầy đủ theo quy định của Bộ Tài Chính. Theo chế độ quy định chứng từ ban đầu để hạch toán xuất kho vật tư ngoài phiếu xuất kho còn phiếu lĩnh vật tư theo hạn mức ( mẫu số 04-VT). Việc sử dụng phiếu này tạo điều kiện cho việc cấp phát vật tư sản xuất theo hạn mức, kiểm tra được số vật liệu theo hạn mức, vượt hạn mức... Từ đó góp phần kiểm tra được tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất. Mặt khác khi sử dụng phiếu này sẽ đảm bảo chứng từ ít, đơn giản thủ tục xử lý chứng từ, hạn chế tiêu cực trong sử dụng vật tư nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

- Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung trong công tác hạch toán kế toán là phù hợp với quy mô sản xuất. Đây là hình thức đơn giản, thuận tiện với điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty tổ chức hệ thống sổ chi tiết và sổ tổng hợp tương đối đầy đủ, dễ dàng cho công tác kiểm tra đối chiếu, đặc biệt chú trọng tới việc lập hệ thống sổ chi tiết nhằm cung cấp thông tin chi tiết, đầy đủ, kịp thời cho đội ngũ quản lý, tạo điều kiện cho việc tổng hợp cuối kỳ và lên báo cáo.

- Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của công trình Cát Bi nói riêng và của Công ty nói chung đi vào nề nếp, phản ánh đúng thực trạng của công trình, đáp ứng yêu cầu quản lý mà Công ty đặt ra, đảm bảo được sự thống nhất về phạm vi và phương pháp tính toán các chỉ tiêu kế toán. Công tác kế toán

chi phí sản xuất và tính giá thành của Công ty góp phần không nhỏ vào việc đảm bảo chế độ kế toán hiện hành và các chế độ chính sách do Nhà nước quy định. Cụ thể:

Trong quá trình kế toán chi phí nguyên vật liệu Công ty đã theo dõi được vật tư từ khi mua đến khi đưa vào sử dụng công trình tránh được thất thoát trong quá trình vận chuyển, việc hạch toán chi phí nhân công ở Công ty rõ ràng, đảm bảo công bằng theo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, khuyến khích người lao động làm việc nhiệt tình tích cực, giúp cho Công ty sử dụng hợp lý lao động và nâng cao năng suất lao động. Công ty còn sử dụng hình thức trả lương theo thời gian kết hợp với lương theo sản phẩm tạo điều kiện gắn kết lợi ích vật chất của người lao động với tiến độ thi công vừa đảm bảo quyền lợi của công nhân viên vừa đảm bảo tiến độ thi công theo định mức. Các máy thi công tuy là các thiết bị đi thuê nhưng vẫn là một chi phí lớn có xu hướng ngày càng tăng. Vì vậy Công ty mở thêm TK 623 “Chi phí sử dụng máy thi công” là hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi chép, hạch toán và phân tích khoản chi phí này trong giá thành.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là từng sản phẩm xây lắp, công trình, hạng mục công trình cụ thể. Công ty hạch toán chi phí theo 04 khoản mục chi phí nên công việc tính giá thành có nhiều thuận lợi. Theo đó Công ty có thể đối chiếu kịp thời thực tế sản xuất thi công với dự toán để từ đó tìm ra nguyên nhân chênh lệch sai sót và rút ra bài học quản lý nhanh nhất.

Đối với chi phí nguyên vật liệu: phần lớn NVL được Công ty mua về và chuyên thẳng tới chân công trình do đó tiết kiệm được rất nhiều trong vận chuyển và các khâu trung gian. Lượng dự trữ vật liệu thi công vừa đủ để tránh ứ đọng về vốn kinh doanh, tăng khả năng quay vòng của đồng vốn, đồng thời đảm bảo quá trình thi công không bị gián đoạn.

Đối với chi phí máy thi công: Các máy thi công tuy là các thiết bị đi thuê nhưng vẫn được theo dõi chi tiết. Khi nào cần sử dụng máy thi công thì công ty ký hợp đồng thuê máy do đó trách được nhưng hao mòn hữu hình và vô hình.

Đối với chi phí sản xuất chung: Công ty tiến hành tập hợp chi phí sản xuất chung chi tiết theo từng loại chi phí nên việc tập hợp chi phí được dễ dàng.

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu và khả năng của Công ty áp dụng hình thức khoán gọn, thực hiện giao khoán khối lượng, phân việc cho các đội sản xuất, đảm bảo tiến độ thi công cũng như trách nhiệm đối với công việc ở đội. Với mục tiêu tiết kiệm chi phí đây là hình thức hợp lý vì nó thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động, đẩy nhanh tiến độ, tiết kiệm vật tư tiền vốn và hạ giá thành sản phẩm. Phương pháp khoán gọn trong xây dựng cơ bản tạo điều kiện gắn liền lợi ích vật chất với từng đội và từng người lao động trên cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo và khả năng hiện có của họ.

Quá trình hạch toán chi phí sản xuất được kết hợp chặt chẽ giữa các đội sản xuất và phòng tài chính- kế toán của Công ty. Mặt khác, việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ hợp lý, khoa học thực hiện tính giá thành sản phẩm chi tiết theo khoản mục chi phí, cộng với phương pháp tính giá trực tiếp phù hợp với sản xuất, thi công mang tính đơn chiếc, đáp ứng yêu cầu công tác kế toán.

### ***3.1.2. Nhược điểm***

Bên cạnh những điểm ưu điểm trên, công ty cũng gặp một số khó khăn nhất định trong công tác quản lý đặc biệt trong công tác kế toán tổng hợp CPSX và tính giá thành. Cụ thể:

#### **Luân chuyển chứng từ.**

Vì Công ty có địa bàn hoạt động rất rộng, công trình thi công xa trụ sở của xí nghiệp. Vì vậy việc thu thập chứng từ do các đội công trình ở xa gửi lên chậm, yếu điểm này chính là sự không hợp lý về thời gian hoàn chứng từ. Việc luân chuyển chứng từ chậm vừa do nguyên nhân khách quan là đơn vị thi công xa công ty vừa do nguyên nhân chủ quan từ phía đội thi công trong việc tập hợp chứng từ gửi lên công ty theo quyết định. Do đó công tác kế toán gặp nhiều khó khăn nhất là vào cuối kỳ.

***Chi phí nguyên vật liệu***

Công tác hạch toán nguyên vật liệu hiện nay hầu hết vật tư mua về đều được chuyển thẳng tới chân công trình nhưng kế toán vẫn lập phiếu nhập kho, phiếu xuất kho theo đúng quy trình hạch toán hàng tồn kho. Sở dĩ vật tư được chuyển thẳng tới công trình không qua kho sẽ tránh được tình trạng tồn đọng vật tư hay tình trạng chênh lệch hàng tồn kho khi kiểm kê cuối kỳ. Tuy nhiên xét về chế độ kế toán thì việc hạch toán như vậy chỉ mang tính hình thức mà không phản ánh đúng thực chất các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; hơn nữa gây lãng phí về công lao động kế toán cũng như việc ghi chép sổ sách.

Do đặc điểm ngành xây lắp, hoạt động phụ thuộc vào nhiều yếu tố ngoại cảnh như mưa gió, bão lũ...Do vậy các thiệt hại phát sinh là không thể tránh khỏi. Các thiệt hại có thể là do khách quan như trời mưa gió, bão, việc cung ứng vật tư không kịp thời khiến công việc đình trệ... Cũng có thể do nguyên nhân chủ quan như làm sai, làm ẩu, phá đi làm lại... Khi đó chi phí vật tư, nhân công...sẽ tăng lên so với dự toán. Tuy nhiên các khoản thiệt hại này không được Công ty phản ánh đầy đủ. Cụ thể các chi phí này vẫn được tính vào giá thành công trình.

***Chi phí nhân công:*** Công ty trả lương khoán và chưa có chính sách thưởng cho người lao động đồng thời không tiến hành các khoản trích theo lương cho người lao động nên chưa khuyến khích được người lao động tích cực hơn trong công việc. Vì vậy, hiệu quả sản xuất chưa cao.

***Chi phí máy thi công:*** Các máy móc thi công công trình của Công ty đều là đi thuê, tuy tránh được các loại hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình, nhưng Công ty sẽ không thể chủ động trong thi công.

***3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty đầu tư và xây dựng Hồng Hà***

Hiện tại công ty đang áp dụng chế độ kế toán thủ công, chưa sử dụng một phần mềm kế toán nào mà chỉ mới sử dụng máy tính dựa trên các công thức, các lệnh sẵn có trong Excel để xử lý số liệu và lên các sổ kế toán chi tiết, các sổ kế toán tổng hợp và các báo cáo tài chính. Cách làm này rất mất thời gian và không đồng bộ, khối lượng công việc kế toán không phải là ít mà nguồn nhân lực của

công ty chỉ có hạn, vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng thông tin do kế toán cung cấp. Mặt khác, trong điều kiện hiện nay, khoa học kỹ thuật đang phát triển, rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của ngành xây dựng nói chung và đặc điểm của công ty nói riêng. Vì vậy, để thuận lợi cho công tác hạch toán và công tác kiểm tra thì công ty nên lựa chọn và áp dụng một phần mềm kế toán cụ thể.

Công ty nên trích kinh phí công đoàn theo tỷ lệ Nhà nước quy định. Điều đó, khuyến khích công nhân viên trong công ty nâng cao năng suất lao động đồng thời nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ nhân viên.

### ***3.2.1. Kiến nghị về luân chuyển chứng từ***

Hiện nay, mặc dù Công ty đã có quy định rõ về định kì luân chuyển chứng từ lên phòng kế toán Công ty nhưng vẫn xảy ra tình trạng chứng từ được chuyển lên rất chậm. Điều này gây cản trở cho công tác hạch toán, dồn công việc vào cuối kỳ, dẫn đến những sai sót không đáng có trong công tác hạch toán chi phí như ghi thiếu, ghi nhầm. Bên cạnh đó, các chứng từ không hợp lệ, cũng như những chứng từ chi sai mục đích vẫn được thanh toán làm cho khâu kiểm tra, hạch toán chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ càng khó khăn. Vì vậy, việc so sánh giữa chi phí thực tế và chi phí dự toán là không chính xác, ảnh hưởng đến các quyết định kinh doanh của nhà quản lý.

Việc luân chuyển chứng từ chậm trễ không chỉ do nguyên nhân khách quan là các công trình thi công thường ở xa trụ sở Công ty mà còn do cả nguyên nhân chủ quan từ phía các đội, xí nghiệp thi công: họ không thực hiện đúng trách nhiệm luân chuyển chứng từ của mình.

Về điểm này, em xin kiến nghị Công ty nên có biện pháp đôn đốc việc luân chuyển chứng từ từ phía kế toán xí nghiệp, yêu cầu phải hoàn trả chứng từ đúng thời gian quy định, nhắc nhở hoặc có hình thức kỷ luật đối với những người vi phạm nhiều lần...

### ***3.2.2. Kiến nghị về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Nhìn chung công tác tổ chức hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp từ tổ chức chứng từ đến sổ sách là khá đầy đủ, hợp lý. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được

hạch toán khá chính xác vào chi phí phục vụ cho từng công trình, hạng mục công trình. Tuy nhiên việc xuất vật tư cho công trình xây dựng chỉ mang tính hình thức mà không phản ánh đúng thực chất các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hơn nữa gây lãng phí về công lao động kế toán cũng như việc ghi chép sổ sách.

Vì vậy trong quá trình xuất vật tư phục vụ cho các công trình, đối với những vật tư vận chuyển không qua kho thì ngoài hoá đơn GTGT, thủ kho không viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho nữa mà thay vào đó nên lập phiếu giao nhận vật tư giữa bộ phận cung ứng với bộ phận sử dụng.

**Biểu số 36: Mẫu phiếu giao nhận vật tư**

<b>Phiếu giao nhận vật tư</b>					
Ngày... tháng ... năm...					
- Họ tên người giao vật tư: .....					
Chức vụ: .....					
Địa chỉ: .....					
- Họ tên người nhận vật tư: .....					
Chức vụ: .....					
Địa chỉ: .....					
- Nơi giao nhận: .....					
Đã tiến hành bàn giao số lượng vật tư sau đây:					
Ngày ... tháng ... năm ...					
Phụ trách bộ phận sử dụng (ký)		Phụ trách công trình (ký)		Thủ kho (Ký)	
STT	Tên vật tư	Đv tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	<b>Cộng</b>				<b>Xxx</b>

Cuối mỗi kỳ kế toán, Công ty nên cử một ban kiểm kê xuống từng xí nghiệp, từng đội, công trình thi công để kiểm tra số lượng vật tư tồn kho và lập biên bản kiểm kê.



Mặt khác, trên thị trường hiện nay giá cả luôn biến động bất thường đặc biệt là đối với một số vật tư quan trọng, sử dụng thường xuyên cho hoạt động xây dựng cơ bản như: xi măng, sắt, thép, do vậy nhiều khi việc dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là thấp hơn so với thực tế xảy ra. Việc này phần nào làm tăng chi phí sản xuất dẫn đến giảm lợi nhuận trong hoạt động xây lắp. Do đó khi lập dự toán cho từng công trình, hạng mục công trình, kế toán Công ty nên tính cả những khoản chênh lệch về giá cả của từng loại vật tư trong những tình huống biến động tăng, giảm để giảm thiểu khó khăn trong việc kiểm soát hạch toán trong quá trình thi công.

### ***3.2.3. Kiến nghị về chi phí nhân công trực tiếp***

Công ty hiện tại không trích các khoản trích theo lương cho công nhân trực tiếp sản xuất do vậy công ty nên tiến hành trích các khoản trích theo lương theo chế độ quy định cho người lao động để tạo mối quan hệ gắn bó giữa người lao động và doanh nghiệp. Do tính chất công việc rất nguy hiểm, mức độ rủi ro trong lao động cao nên phần nào ảnh hưởng đến năng suất lao động của những công nhân thuê ngoài. Ban lãnh đạo Công ty nên có một số chế độ ưu đãi đối với số lao động theo thời vụ như: cấp dụng cụ bảo hộ lao động (găng tay, ủng, mũ, quần áo bảo hộ...), quy định mức lương khoán theo tính chất, mức độ công việc. Như vậy phần nào sẽ hạn chế được việc ỷ lại, chủ nghĩa bình quân bởi nhiều khi những công nhân ở cùng một điều kiện sản xuất nhưng năng suất lao động không giống nhau (người làm ít, người làm nhiều) mà được lĩnh một khoản lương như nhau.

### ***3.2.4. Kiến nghị về chi phí sử dụng máy thi công***

Đối với chi phí sửa chữa máy, công ty nên trích trước khoản chi phí sửa chữa lớn máy móc thiết bị thi công:

Nợ TK623: Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Có TK335: Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Việc vận hành máy móc trong từng công trình là khác nhau, trong một tháng thì một máy thi công có thể được sử dụng cho nhiều công trình như vậy việc phân bổ khấu hao cho từng công trình là không chính xác. Vậy, kế toán công ty nên phân bổ khấu hao máy thi công theo số giờ máy hoạt động tại từng công trình.

Cuối tháng, kế toán sẽ tập hợp số khấu hao đã phân bổ vào chi phí sản xuất của từng công trình, hạng mục công trình.

$$\begin{array}{l} \text{Mức chi phí} \\ \text{khấu hao} \\ \text{của máy} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{từng đối} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí khấu hao máy thi} \\ \text{công trong tháng} \\ \\ \text{Tổng số giờ máy hoạt động} \\ \text{trong tháng} \end{array}}{\text{Số giờ máy}} \times \begin{array}{l} \text{hoạt động ở} \\ \text{mỗi đối tượng} \end{array}$$

Với cách phân bổ này, việc tập hợp chi phí vào công trình, hạng mục công trình sẽ chính xác và chặt chẽ hơn.

**3.2.5. Kiến nghị về kế toán quản trị**

Kế toán quản trị là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động của doanh nghiệp phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ doanh nghiệp. Những thông tin mà kế toán quản trị cung cấp có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó không chỉ là thông tin quá khứ, thông tin hiện tại mà còn bao gồm các thông tin về tương lai. Vì vậy, kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của hệ thống kế toán và được thể hiện ở tất cả các khâu, từ lập kế hoạch dự toán đến thực hiện, kiểm tra giúp các nhà quản trị ra quyết định quản lý đúng đắn, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả của chi phí. ở các nước Anh, Pháp, Mỹ...kế toán quản trị đã được hình thành và phát triển trong vài chục năm nay và nó rất được các doanh nghiệp chú trọng. Tuy nhiên, ở các doanh nghiệp Việt Nam trong đó có Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà, kế toán quản trị còn mới mẻ, nhận thức và tổ chức trong các doanh nghiệp còn nhiều bất cập.

Bởi không nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của kế toán quản trị nên công tác quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp còn khá hời hợt. Công tác quản lý hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chủ yếu do kế toán tài chính đảm nhận, chưa phản ánh được rõ ràng mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận, cũng như chưa phân tích cụ thể, chi tiết chi phí theo biến phí, định phí cũng như khoản mục và yếu tố chi phí. Do đó, sự đóng góp của

công tác kế toán vào các mục tiêu quản lý chung của Công ty chưa hoàn toàn tương xứng với nhiệm vụ và trình độ của bộ máy kế toán.

Xuất phát từ vai trò và tầm quan trọng của kế toán quản trị, các doanh nghiệp cần thiết phải tổ chức hệ thống kế toán quản trị. Tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất phải tùy thuộc vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, trình độ và yêu cầu quản lý chi phí của doanh nghiệp. Xây dựng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp xây lắp theo hướng:

Kế toán quản trị cần quan tâm tới phân loại chi phí thành biến phí và định phí nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập kế hoạch, kiểm tra và chủ động điều tiết chi phí cho phù hợp. Bằng cách phân loại này, nhà quản trị sẽ thấy được sự biến động của chi phí có phù hợp hay không với sự biến động của mức độ hoạt động và từ đó có các biện pháp hữu hiệu nhằm quản lý tốt các chi phí. Kế toán có thể thực hiện phân loại theo một trong hai phương pháp: phương pháp bình phương bé nhất, phương pháp cực đại- cực tiểu. Xét trong khoảng thời gian ngắn hạn khi doanh nghiệp không có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động thì định phí là một đại lượng tương đối ổn định, do đó muốn tối đa hoá lợi nhuận cần phải tối đa hoá lãi trên biến phí (số dư đảm phí). Đây là cơ sở rất quan trọng cho việc xem xét ra các quyết định có liên quan tới chi phí- khối lượng- lợi nhuận và giá cả. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ đó, kế toán quản trị có thể tư vấn cho nhà quản trị trong việc định giá giao khoán, đồng thời phương pháp tính giá dự thầu dựa trên cơ sở lãi trên biến phí sẽ cung cấp cho doanh nghiệp một phạm vi giá linh hoạt để có thể quyết định thắng thầu.

Xây dựng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp xây lắp để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất, giúp các nhà quản trị có quyết định đúng đắn, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả của chi phí. Thu thập thông tin cần thiết phục vụ cho dự đoán, dự báo; lập dự toán chi phí giá thành đồng thời so sánh dự toán với thực tế để xem xét sự biến động của các khoản mục thực tế có hợp lý không, từ đó đưa ra giải pháp phù hợp.

Bảng phân tích chi phí  
(Hạng mục công trình...)

Khoản mục chi phí	Dự toán		Thực tế		Chênh lệch
	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ(%)	
Chi phí NVLTT					
Chi phí NCTT					
CPSDMTC					
CPSXC					
Tổng cộng					

**KẾT LUẬN**

Trong nền kinh tế sản xuất hàng hoá, chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là vấn đề được quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp xây lắp. Tập hợp chi phí xây lắp một cách chính xác, phân bổ chi phí một cách hợp lý, tính đúng và đủ giá thành sản phẩm không những tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản lý đưa ra những quyết định đúng đắn chính xác về phương hướng đầu tư cũng như cách thức hoạt động nhằm thu được lợi nhuận tối đa, ngoài ra còn đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tình hình cấp phát và sử dụng vốn là một vấn đề rất phức tạp đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế đất nước hiện nay.

Qua thời gian thực tập tại Công ty em nhận thấy công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty rất được chú trọng và được thực hiện tương đối đầy đủ theo chế độ kế toán của Nhà Nước phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý của Công ty hiện nay. Tuy nhiên, vì mục tiêu phát triển chung của Công ty, kế toán cũng cần phải có những bước đổi mới hoàn thiện hơn nữa, nhất là về công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm để phục vụ tốt cho mục đích quản trị. Nhận thức được điều đó nên em đã nghiên cứu, tìm hiểu công tác hạch toán chi phí và tính giá thành tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà và hoàn thành chuyên đề của mình với nội dung “ *Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Hà*”

Do thời gian thực tế không được nhiều và trình độ còn hạn chế nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô, ban lãnh đạo và các anh chị phòng kế toán Công ty để nhận thức của em về vấn đề được hoàn thiện hơn.

Để hoàn thiện được chuyên đề này, em xin chân thành cảm ơn sự chỉ bảo tận tình của cô giáo **Bùi Thị Chung** cảm ơn ban lãnh đạo cùng các anh chị phòng kế toán Công ty giúp đỡ, tạo điều kiện cho em trong suốt thời gian thực tập.

*Em xin chân thành cảm ơn!*